

Buôn Ma Thuột, ngày 29 tháng 4 năm 2021

**BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK NĂM 2021**

Hôm nay, vào lúc 8 giờ 30 phút ngày 29/4/2021 tại Tầng 1, trung tâm tiệc cưới, Khách sạn Dakruco Hotels, địa chỉ 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk (DRG) tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD) thường niên năm 2021.

Thành phần tham dự cuộc họp:

1. Đại biểu mời:

- Ông :Trần Khánh Thơ - Trưởng phòng Tài chính Doanh nghiệp - Sở Tài chính Đắk Lắk

2. Hội đồng quản trị:

1. Ông Nguyễn Viết Tượng - Chủ tịch HĐQT;
2. Ông Bùi Quang Ninh - TV. HĐQT - Kiêm Tổng Giám đốc;
3. Ông Nguyễn Độ - TV. HĐQT - Kiêm P Tổng Giám đốc;
4. Ông Nguyễn Trần Giang - TV. HĐQT – Kiêm Kế toán trưởng;
5. Ông Nguyễn Văn Cúc - TV. HĐQT - Kiêm TP Nhân sự- Pháp chế
6. Ông Đỗ Văn Định - TV. HĐQT (Thành viên độc lập);
7. Ông Nguyễn Văn Nam - TV. HĐQT (Thành viên độc lập).

Ban kiểm soát :

1. Ông Nguyễn Thạc Hoành - Trưởng ban KS;
2. Ông Phan Thanh Tân - Thành viên;
3. Ông Nguyễn Văn Thảo - Thành viên.

3. Ban điều hành:

1. Ông Bùi Quang Ninh - TV HĐQT, Tổng giám đốc;
2. Ông Nguyễn Độ - TV HĐQT, Phó Tổng Giám đốc;

4. Sự tham dự của 84 cổ đông và ủy quyền, chiếm 99,05 % số cổ phần.

PHẦN I : KHAI MẠC CUỘC HỌP

1. Kiểm tra tư cách cổ đông:

Ông Nguyễn Thạch Hoàn Trưởng ban kiểm soát thông qua biên bản Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự cuộc họp như sau:

+ Tổng số cổ đông được mời theo danh sách chốt cổ đông thời điểm 31/3/2021 là 1.476 cổ đông đại diện cho 155.800.000 cổ phần

+ Tổng số cổ đông tham dự và ủy quyền : 84 cổ đông;

+ Đại diện cho : 154.323.900 cổ phần;

+ Đạt 99,05 %/ tổng vốn điều lệ.

Căn cứ khoản 1 điều 145 Luật DN và khoản 1 điều 35 Điều lệ Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Dakruco đủ điều kiện để tiến hành.

2. Đại hội đồng cổ đông thống nhất bầu Đoàn chủ tịch gồm:

- Ông Nguyễn Việt Tượng - Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa;
- Ông Bùi Quang Ninh - Tổng Giám đốc - Thành viên;
- Ông Nguyễn Độ - Phó Tổng Giám - Thành viên.

Cổ đông biểu quyết thống nhất bầu Đoàn chủ tịch 100% cổ phần tham dự cuộc họp.

Chủ tọa để cử Ban Thư ký gồm:

- Bà Lê Thị Bích Thảo - Người quản trị Công ty;
- Ông Trần Văn Đức - Phó phòng Hành chính.

Cổ đông biểu quyết thống nhất bầu Ban thư ký với 100 % cổ phần tham dự cuộc họp.

3. Ông Nguyễn Việt Tượng : Thông qua diễn văn khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

4. Ông Bùi Quang Ninh : Thay mặt đoàn chủ tịch thông qua chương trình họp; Quy chế làm việc của cuộc họp ĐHĐCĐ và giới thiệu Ban kiểm phiếu.

4.1. Cuộc họp đã nghe và thống nhất thông qua Chương trình làm việc của cuộc họp ĐHĐCĐ, với 100 % số cổ phần tham dự cuộc họp.

4.2. Cuộc họp đã nghe và thống nhất thông qua Quy chế làm việc của cuộc họp ĐHĐCĐ, với 100% số cổ phần tham dự cuộc họp.

4.3. ĐHĐCĐ thống nhất bầu Ban kiểm phiếu và Tổ kỹ thuật giúp việc cho Ban kiểm phiếu như sau:

a. Ban Kiểm phiếu :

- 1. Võ Đình Thanh Tuấn - Trưởng ban
- 2. Lê Thanh Bình - Thư ký
- 3. Nguyễn Thị Mai Quyên - Thành viên

b. Tổ kỹ thuật giúp việc

1. Hoàng Chí Linh : Tổ trưởng
2. Nguyễn Thị Thanh Hương : Thành viên
3. Âu Quý Vinh : Thành viên
4. Lê Thị Minh Hạnh : Thành viên
5. Nguyễn Thị Thanh Huyền : Thành viên

Cổ đông đã biểu quyết với 100 % số cổ phần tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ.

PHẦN II : THÔNG QUA CÁC BÁO CÁO VÀ TỜ TRÌNH: (có các báo cáo và Tờ trình kèm theo)

1. Ông Nguyễn Viết Tượng - Chủ tịch HĐQT trình bày Dự thảo báo cáo về hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2021;

2. Ông Bùi Quang Ninh - Tổng giám đốc trình bày báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021;

3. Ông Nguyễn Độ - Phó Tổng Giám đốc : Trình bày tóm tắt Báo cáo tài chính 2020 đã được kiểm toán bởi chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng và giải trình những ý kiến ngoại trừ của kiểm toán đã nêu.

4. Ông Nguyễn Thạc Hoành - Trưởng ban kiểm soát trình bày báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2021.

Các ý kiến tham gia góp ý :

Các cổ đông tham dự đều thống nhất với các nội dung bản Báo cáo được trình bày tại cuộc họp ĐHĐCĐ

5. Ông Nguyễn Viết Tượng thông qua các Tờ trình xin ý kiến cuộc họp ĐHĐCĐ và điều hành thảo luận:

5.1 Tờ trình thông qua các chỉ tiêu SXKD và đầu tư năm 2021;

5.2 Tờ trình về chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021;

5.3 Tờ trình về phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020;

5.4 Tờ trình về kế hoạch tiền lương, thù lao của người quản lý Công ty và chi phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2021;

5.5 Tờ trình thông qua Điều lệ và các quy chế thuộc thẩm quyền phê duyệt của ĐHĐCĐ;

5.6 Tờ trình về tỷ lệ sở hữu vốn của nhà đầu tư nước ngoài tại Dakruco;

Phản thảo luận :

Các cổ đông tham dự đều thống nhất với các nội dung Tờ trình được trình bày tại cuộc họp ĐHĐCĐ

6. Ông Nguyễn Viết Tượng : Thông qua các nội dung chính sẽ thực hiện biểu quyết trong cuộc họp như : Các tờ trình về chỉ tiêu SXKD chính trong năm 2021; về lựa chọn Cty kiểm toán BCTC Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất



năm 2021 ; tiền lương, thù lao của người quản lý Công ty và chi phí hoạt động HĐQT-BKS năm 2021; sửa đổi Điều lệ Công ty; Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát; phân phối lợi nhuận năm 2020; tỷ lệ sở hữu vốn của nhà đầu tư nước ngoài; các Báo cáo của HĐQT, Ban TGD, BKS và Báo cáo tài chính 2020 được kiểm toán. Đồng thời thông qua các quy định hướng dẫn về biểu quyết các chỉ tiêu chính của cuộc họp ĐHCĐ, Đại hội thực hiện biểu quyết các chỉ tiêu trong phiếu biểu quyết.

7. Ông Võ Đình Thanh Tuấn - Trưởng Ban kiểm phiếu : Hướng dẫn biểu quyết các nội dung theo phiếu biểu quyết và cổ đông thực hiện biểu quyết thông qua hình thức bỏ phiếu.

8. Cuộc họp nghỉ giải lao 10 phút.

9. Ông Võ Đình Thanh Tuấn công bố kết quả biểu quyết các chỉ tiêu chính như sau:

TT	Nội dung biểu quyết	% Tán thành	% Không TT	% Không YK
1.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021: (Theo Tờ trình số: 07/TTr-HĐQT ngày 07/4/2021 của của HĐQT Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk.	99,99		
1.1	Sản lượng khai thác và chế biến mủ cao su: 5.526,1 tấn; sản xuất sợi chỉ thun : 1.800 tấn; sản lượng chuối xanh: 5.491 tấn			
1.2	Tổng doanh thu và thu nhập khác: 427.616 triệu đồng; tổng chi phí: 377.237 triệu đồng; lợi nhuận trước thuế: 50.379 triệu đồng	99,99		
1.3	Chỉ tiêu đầu tư : 235.184 triệu đồng; trong đó : Đầu tư vườn cao su (trồng mới 549,59 ha; KTCB: 4.239,92 ha): 161.004 triệu đồng, đầu tư dự án NNCNC : 29,369 triệu đồng; đầu tư khác : 44.811 triệu đồng. Trường hợp có phát sinh đầu tư khác, ngoài danh mục đầu tư trong kế hoạch, giao cho HĐQT quyết định trên cơ sở điều tiết kế hoạch trong phạm vi tổng chi phí đầu tư theo kế hoạch.	99,99		
1.4	Giao cho HĐQT phê duyệt phương án thoái vốn 30,6% vốn điều lệ tại DRI, khi UBND tỉnh cho chủ trương, để Ban Điều hành triển khai.	99,99		
1.5	Giao cho HĐQT phê duyệt và tổ chức đầu tư dự án đầu tư Khu Nông nghiệp ứng dụng Công nghệ cao tại Nông trường Cư M'gar khi UBND tỉnh đồng ý về chủ trương.	99,99		
1.6	Giao cho HĐQT phê duyệt Dự án vay vốn dài hạn để đầu tư dự án vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và trồng tái canh cao su; Ban điều hành tổ chức thực hiện Dự án vay vốn.	99,99		
2	Ủy quyền HĐQT chọn 01 trong 03 đơn vị kiểm toán năm 2021 (Theo Tờ trình số: 06/TTr-HĐQT, ngày 07/4/2021 của HĐQT Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk)	99,99		

3	Thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo Tờ trình số: 05 /TTr-HĐQT, ngày 07/4/2021 của HĐQT Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk: (3.1) Lợi nhuận sau thuế: 31,190,7 triệu đồng (Trong đó: Lợi nhuận năm trước chuyển sang 4.501,2 triệu đồng, năm 2020 : 26.689,5 triệu đồng); (3.2) Quỹ thưởng người quản lý: 394,950 triệu đồng; (3.3) Quỹ đầu tư phát triển: 8.006,8 triệu đồng; (3.4) Quỹ khen thưởng và phúc lợi: 10.032,1 triệu đồng; (3.5) Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2021:12.756.809.532 đồng.	99,99		
4	Quỹ tiền lương, thù lao của Người quản lý Công ty và chi phí hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2021, như sau: 4.1 Tổng quỹ tiền lương, thù lao của người quản lý : 2.256,012 triệu đồng, trong đó người quản lý chuyên trách là: 2.077,92 triệu đồng; người quản lý không chuyên trách là: 178,092 triệu đồng 4.2 Chi phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2021 : 200 triệu đồng (Theo tờ trình số:10/TTr-HĐQT ngày 07/4/2021 của HĐQT Dakruco)	99,99		
5	Sửa đổi Điều lệ Công ty theo Tờ trình số: 09/TTr-HĐQT ngày 07/4/2021 của HĐQT Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk.	99,99		
6	Sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty theo Tờ trình số: 09/TTr-HĐQT ngày 07/4//2021 của HĐQT Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk.	99,99		
7	Tỷ lệ sở hữu vốn của nhà đầu tư nước ngoài tại Dakruco theo Tờ trình số: 08/TTr-HĐQT ngày 07/4/2021 của HĐQT Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk. Tỷ lệ sở hữu vốn tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại Dakruco là 2% so với vốn điều lệ.	99,99		
8	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và phương hoạt động năm 2021 (Có báo cáo kèm theo)	99,99		
9	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Ban điều hành (Có báo cáo kèm theo)	99,99		
10	Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán độc lập (Có báo cáo kèm theo)	99,99		
11.	Báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Ban kiểm soát (Có báo cáo kèm theo)	99,99		

(Biên bản kiểm phiếu đính kèm theo)

PHẦN III. BẾ MẠC CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Ban thư ký đã đọc và thông qua Biên bản, nghị quyết trước cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Thường niên của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk năm

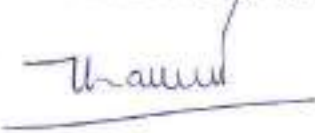
20201 và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thống nhất 100% số cổ phiếu có cổ đông tham dự tại cuộc họp.

2. Ông Nguyễn Viết Tượng tuyên bố bế mạc cuộc họp .

Biên bản được lập vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 29/4/2021 ngay sau khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên kết thúc chương trình nghị sự.

Biên bản và nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 sẽ được đăng trên Website Công ty tại địa chỉ www.dakruco.com.

TM. BAN THƯ KÝ



Lê Thị Bích Thảo

CHỦ TỌA



Nguyễn Viết Tượng

Buôn Ma Thuột, ngày 29 tháng 04 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK NĂM 2021

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk (Dakruco) bắt đầu lúc 8 giờ 30 ngày 29/4/2021 tại Hội trường tầng 1 - Trung tâm tiệc cưới khách sạn Dakruco; địa chỉ 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, với sự có mặt 84 cổ đông tham dự và ủy quyền, đại diện cho 154.323.900 cổ phần có quyền biểu quyết chiếm 99,05% tổng số cổ phần của công ty Dakruco đủ điều kiện để tiến hành cuộc họp.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ sửa đổi của Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 02/6/2020;

Căn cứ Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần cao su Đắk Lắk ngày 29/4/2021.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thống nhất thông qua các báo cáo sau đây:

1. Báo cáo về hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch thực hiện 2021;
2. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch nhiệm vụ 2021 của Ban điều hành Công ty Cổ phần cao su Đắk Lắk;
3. Báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2020 của Dakruco đã được kiểm toán bởi chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.
4. Báo cáo về hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch 2021.

Điều 2. Thống nhất thông qua các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2021 theo Tờ trình số 07/TTr-HĐQT ngày 07/4/2021, bao gồm các chỉ tiêu và nhiệm vụ chính sau đây:



2.1. Sản lượng khai thác và chế biến mủ cao su: 5.526,10 tấn; sản xuất sợi chỉ thun : 1.800 tấn; sản lượng chuối xanh: 5.491 tấn.

2.2 Tổng doanh thu và thu nhập khác: 427.616 triệu đồng; tổng chi phí: 377.237 triệu đồng; lợi nhuận trước thuế: 50.379 triệu đồng;

2.3. Chỉ tiêu đầu tư : 235.184 triệu đồng; trong đó : Đầu tư vườn cao su (trồng mới 549,59 ha; KTCB: 4.239,92 ha): 161.004 triệu đồng; đầu tư dự án NNCNC : 29.369 triệu đồng; đầu tư khác : 44.811 triệu đồng. Trường hợp có phát sinh đầu tư khác, ngoài danh mục đầu tư trong kế hoạch, giao cho HĐQT quyết định trên cơ sở điều tiết kế hoạch trong phạm vi tổng chi phí đầu tư theo kế hoạch.

2.4. Giao cho HĐQT phê duyệt phương án thoái vốn 30,6% vốn điều lệ tại DRI, khi UBND tỉnh cho chủ trương, để Ban Điều hành triển khai;

2.5. Giao cho HĐQT phê duyệt và tổ chức đầu tư dự án đầu tư Khu Nông nghiệp ứng dụng Công nghệ cao tại Nông trường Cư M'gar khi UBND tỉnh đồng ý về chủ trương.

2.6. Giao cho HĐQT phê duyệt Dự án vay vốn dài hạn để đầu tư dự án vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và trồng tái canh cao su giai đoạn 2021-2028; Ban điều hành tổ chức thực hiện Dự án vay vốn.

Điều 3. Giao quyền cho HĐQT căn cứ vào đề xuất của Ban kiểm soát, để lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán báo cáo Tài chính Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 theo Tờ trình số 06/TTr-HĐQT ngày 07/4/2021, đó là:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp. Hồ Chí Minh (AISC)
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VietValues)

Điều 4. Thống nhất phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 và trích lập các quỹ theo Tờ trình số 05/TTr-HĐQT ngày 07/4/2021, cụ thể:

- 4.1- Quỹ thưởng cho người quản lý Công ty : 394.950.000 đồng;
- 4.2- Trích quỹ đầu tư phát triển : 8.006.800.000 đồng;
- 4.4- Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi : 10.032.100.000 đồng;
- 4.5- Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2021 : 12.756.809.532 đồng.

Điều 5. Thống nhất quỹ tiền lương, thù lao của người quản lý Công ty và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành năm năm 2021 theo Tờ trình số 10/TTr-HĐQT ngày 07/4/2021, như sau :

5.1. Tổng quỹ tiền lương và thù lao của người quản lý năm 2021: 2.256,012 triệu đồng;

5.2. Chi phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2021 : 200,0 triệu đồng.

Điều 6. Thống nhất thông qua các nội dung bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty; Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát kèm theo nội dung Tờ trình số 09TTr-HĐQT ngày 07/4/2021.

Điều 7. Thống nhất tỷ lệ sở hữu vốn tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại Dakruco là 2% so với vốn điều lệ, theo nội dung Tờ trình số 08/TTr-HĐQT ngày 07/4/2021

Điều 8. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Cao su Đăk Lăk giao cho HĐQT chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên này, theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Kèm theo Nghị quyết này bao gồm các văn bản đã trình ra cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

Nghị quyết này đã được ĐHĐCĐ thường niên 2021 Công ty Cổ phần Cao su Đăk Lăk thông qua với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là 100% trên tổng số các cổ phần tham dự cuộc họp có quyền biểu quyết và có hiệu lực từ ngày 29/4/2021.

Nơi nhận: *Thư*

- Thành viên HĐQT;
- BKS, Ban điều hành Cty;
- Người quản trị Công ty;
- UBCKNN, Sở GDĐT Đăk Lăk
- Phòng HC (đăng tải Website Cty)
- Lưu VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA
CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU
ĐẮK LĂK
Nguyễn Viết Tượng
Nguyễn Viết Tượng



**CTCP CAO SU ĐẮK LẮK
(DAKRUCO)**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Căn cứ nghị quyết số : 05/NQ-HĐQT ngày 07/4/2021 của HĐQT về việc tiến hành tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2021.

Hôm nay ngày 29 tháng 04 năm 2021, tại trung tâm tiệc cưới cụm dịch vụ Khách sạn Dakruco .

Được sự phân công của HĐQT, ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm có :

- | | |
|--------------------------|----------------------|
| 1 / Ông Nguyễn Thạc Hoàn | TB KS làm trưởng ban |
| 2/ Ông Phan Thanh Tân | TV BKS làm ủy viên |
| 3/ Nguyễn Văn Thảo | TV BKS làm ủy viên |

Căn cứ công văn số V590/2021-DRG/VSD-ĐK của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp : Danh sách cổ đông và số cổ phiếu chốt đến ngày 31/3/2021 mã cổ phiếu DRG có 1.476 cổ đông; tổng số cổ phần lưu hành là : **155.800.000** cổ phần.

Sau khi kiểm tra đối chiếu và thống kê số lượng cổ phiếu của đại biểu trực tiếp và ủy quyền tham dự đại hội đến thời điểm 08h 30 phút ngày 29/04/2021 cụ thể như sau :

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết : **155.800.000** cổ phần
- Tổng số được mời tham dự đại hội 1.476 cổ đông, đại diện cho 100% cổ phần có quyền biểu quyết. (NN 98,94%)
- Số đại biểu là cổ đông và người được ủy quyền có mặt tham dự (đến thời điểm) là : **84** người, đại diện cho **154.323.900** CP, chiếm tỷ lệ : **99,05 %** số Cổ phần có quyền biểu quyết.
- Đến thời điểm này Ban kiểm tra tư cách cổ đông cũng ko nhận được khiếu nại khiếu kiện nào liên quan đến quyền tham dự ĐH của cổ đông.

Căn cứ khoản 1 điều 145 LDN 2020 và điều lệ công ty. Tỷ lệ Cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự vượt trên tỷ lệ cho phép theo quy định của pháp luật (Lần 1 trên 50%), nên ĐHĐCĐ thường niên 2021 của CTCP DRG hôm nay là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện để tiến hành đại hội.

Ban kiểm tra tư cách cổ đông xin báo cáo trước đại hội, và đề nghị HĐQT tiến hành chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 theo chương trình đề ra

TM. Ban kiểm tra tư cách cổ đông
Trưởng ban

Nguyễn Thạc Hoàn

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Hôm nay, vào lúc 8 giờ 30 phút, ngày 29/04/2021 tại Hội trường tầng 1 - Trung tâm tiệc cưới - Khách sạn Dakruco, Ban kiểm phiếu gồm có các ông, bà có tên sau:

- | | |
|----------------------------|------------|
| 1. Ông Võ Đình Thanh Tuấn | Trưởng ban |
| 2. Ông Lê Thanh Bình | Thành viên |
| 3. Bà Nguyễn Thị Mai Quyên | Thành viên |

Đã tiến hành kiểm phiếu biểu quyết các nội dung tại Đại hội, kết quả như sau:

- Tổng phiếu có quyền biểu quyết: **155.800.000** cổ phần.
- Tổng số phiếu phát ra: 84 phiếu (Tương ứng 154.323.900 cổ phần).
- Tổng số phiếu thu vào: 78 phiếu (Tương ứng 154.318.800 cổ phần).

1. **Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021** (theo Tờ trình số 07 /TTr-HĐQT, ngày 07/4/2021 của HĐQT Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk):

1.1 Sản lượng khai thác và chế biến mù cao su: 5.526,10 tấn; sản xuất sợi chỉ thun: 1.800 tấn; sản lượng chuỗi xanh: 5.491 tấn.

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu tham dự đại hội: 154.323.900 cổ phần, trong đó:

- Số phiếu tán thành: 154.318.800 cổ phần, chiếm tỉ lệ 99,9967% (tỉ lệ qui định $\geq 51\%$).
- Số phiếu không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0,0000%
- Số phiếu không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0,0000%
- Số phiếu không hợp lệ và không tham gia biểu quyết: 5.100 cổ phần, chiếm 0,0033%

Kết luận: Thông qua.

1.2 Tổng doanh thu và thu nhập khác: 427.616 triệu đồng; tổng chi phí: 377.237 triệu đồng; lợi nhuận trước thuế: 50.379 triệu đồng.

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu tham dự đại hội: 154.323.900 cổ phần, trong đó:

- Số phiếu tán thành: 154.316.000 cổ phần, chiếm tỉ lệ 9,9949% (tỉ lệ qui định $\geq 51\%$).

- Số phiếu không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0,0000%
- Số phiếu không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0,0000%
- Số phiếu không hợp lệ và không tham gia biểu quyết: 7.900 cổ phần, chiếm 0,0051%

Kết luận: Thông qua.

1.3 Chi tiêu đầu tư: 235.184 triệu đồng; trong đó: Đầu tư vườn cao su (trồng mới 549,59 ha; KTCB: 4.239,92 ha): 161.004 triệu đồng, đầu tư dự án NNCNC: 29.369 triệu đồng; đầu tư khác: 44.811 triệu đồng. Trường hợp có phát sinh đầu tư khác, ngoài danh mục đầu tư trong kế hoạch, giao cho HĐQT quyết định trên cơ sở điều tiết kế hoạch trong phạm vi tổng chi phí đầu tư theo kế hoạch.

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu tham dự đại hội: 154.323.900 cổ phần, trong đó:

- Số phiếu tán thành: 154.318.800 cổ phần, chiếm tỉ lệ 99,9967% (tỉ lệ qui định \geq 51%).
- Số phiếu không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0,0000%
- Số phiếu không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0,0000%
- Số phiếu không hợp lệ và không tham gia biểu quyết: 5.100 cổ phần, chiếm 0,0033%.

Kết luận: Thông qua.

1.4 Giao cho HĐQT phê duyệt phương án thoái vốn 30,6% vốn điều lệ tại DRI, khi UBND tỉnh cho chủ trương, để Ban Điều hành triển khai.

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu tham dự đại hội: 154.323.900 cổ phần, trong đó:

- Số phiếu tán thành: 154.318.800 cổ phần, chiếm tỉ lệ 99,9967% (tỉ lệ qui định \geq 51%).
- Số phiếu không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0,0000%
- Số phiếu không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0,0000%
- Số phiếu không hợp lệ và không tham gia biểu quyết: 5.100 cổ phần, chiếm 0,0033%

Kết luận: Thông qua.

1.5 Giao cho HĐQT phê duyệt và tổ chức đầu tư dự án đầu tư Khu Nông nghiệp ứng dụng Công nghệ cao tại Nông trường Cư M'gar khi UBND tỉnh đồng ý về chủ trương.

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu tham dự đại hội: 154.323.900 cổ phần, trong đó:

- Số phiếu tán thành: 154.315.700 cổ phần, chiếm tỉ lệ 99,9947% (tỉ lệ qui định \geq

51%).

- Số phiếu không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0,0000%
- Số phiếu không có ý kiến: 3.100 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0,0020%
- Số phiếu không hợp lệ và không tham gia biểu quyết: 5.100 cổ phần, chiếm 0,0033%

Kết luận: Thông qua.

1.6- *Giao cho HĐQT phê duyệt Dự án vay vốn dài hạn để đầu tư dự án vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và trồng tái canh cao su giai đoạn 2021-2028; Ban điều hành tổ chức thực hiện Dự án vay vốn.*

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu tham dự đại hội: 154.323.900 cổ phần, trong đó:

- Số phiếu tán thành: 154.312.900 cổ phần, chiếm tỉ lệ 99,9929% (tỉ lệ qui định \geq 51%).
- Số phiếu không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0,0000%
- Số phiếu không có ý kiến: 5.900 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0,0038%
- Số phiếu không hợp lệ và không tham gia biểu quyết: 5.100 cổ phần, chiếm 0,0033%

Kết luận: Thông qua.

2. Ủy quyền HĐQT chọn 01 trong 03 đơn vị kiểm toán năm 2021, theo Tờ trình số: 06/TTr-HĐQT, ngày 07/4/2021 của HĐQT Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu tham dự đại hội: 154.323.900 cổ phần, trong đó:

- Số phiếu tán thành: 154.318.800 cổ phần, chiếm tỉ lệ 99,9967% (tỉ lệ qui định \geq 51%).
- Số phiếu không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0,0000%
- Số phiếu không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0,0000%
- Số phiếu không hợp lệ và không tham gia biểu quyết: 5.100 cổ phần, chiếm 0,0033%

Kết luận: Thông qua.

3. Thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo Tờ trình số: 05/TTr-HĐQT, ngày 07/4/2021 của HĐQT Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk

3.1 Lợi nhuận sau thuế: 31.190,7 triệu đồng (Trong đó: Lợi nhuận năm trước chuyển sang 4.501,2 triệu đồng, năm 2020: 26.689,5 triệu đồng);

3.2 Quỹ thưởng người quản lý: 394,950 triệu đồng;

3.3 Quỹ đầu tư phát triển: 8.006,8 triệu đồng;

3.4 Quỹ khen thưởng và phúc lợi: 10.032,1 triệu đồng;

3.5 Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2021: 12.756.809.532 đồng.

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu tham dự đại hội: 154.323.900 cổ phần, trong đó:

- Số phiếu tán thành: 154.314.100 cổ phần, chiếm tỉ lệ 99,9936% (tỉ lệ qui định \geq 51%).
- Số phiếu không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0,0000%
- Số phiếu không có ý kiến: 4.700 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0,0030%
- Số phiếu không hợp lệ và không tham gia biểu quyết: 5.100 cổ phần, chiếm 0,0033%

Kết luận: Thông qua.

4. Kế hoạch tiền lương, thù lao của Người quản lý Công ty và chi phí hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2021, như sau

4.1 Tổng quỹ tiền lương, thù lao của người quản lý: 2.256,012 triệu đồng, trong đó người quản lý chuyên trách là: 2.077,92 triệu đồng; người quản lý không chuyên trách là: 178,092 triệu đồng.

4.2 Chi phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2021: 200 triệu đồng (Theo Tờ trình số: 10/TTr-HĐQT ngày 07/4/2021 của HĐQT Dakruco)

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu tham dự đại hội: 154.323.900 cổ phần, trong đó:

- Số phiếu tán thành: 154.314.100 cổ phần, chiếm tỉ lệ 99,9936% (tỉ lệ qui định \geq 51%).
- Số phiếu không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0,0000%
- Số phiếu không có ý kiến: 4.700 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0,0030%
- Số phiếu không hợp lệ và không tham gia biểu quyết: 5.100 cổ phần, chiếm 0,0033%

Kết luận: Thông qua.

5. Sửa đổi Điều lệ Công ty theo Tờ trình số: 09/TTr-HĐQT ngày 07/4/2021 của HĐQT Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu tham dự đại hội: 154.323.900 cổ phần, trong đó:

- Số phiếu tán thành: 154.318.800 cổ phần, chiếm tỉ lệ 99,9967% (tỉ lệ qui định \geq 65%).
- Số phiếu không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0,0000%
- Số phiếu không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0,0000%

- Số phiếu không hợp lệ và không tham gia biểu quyết: 5.100 cổ phần, chiếm 0,0033%

Kết luận: Thông qua.

6. Sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty theo Tờ trình số: 09/TTr-HĐQT ngày 07/4//2021 của HĐQT Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk.

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu tham dự đại hội: 154.323.900 cổ phần, trong đó:

- Số phiếu tán thành: 154.316.000 cổ phần, chiếm tỉ lệ 99,9949% (tỉ lệ qui định $\geq 51\%$).
- Số phiếu không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0,0000%
- Số phiếu không có ý kiến: 2.800 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0,0018%
- Số phiếu không hợp lệ và không tham gia biểu quyết: 5.100 cổ phần, chiếm 0,0033%

Kết luận: Thông qua.

7. Tỷ lệ sở hữu vốn của nhà đầu tư nước ngoài tại Dakruco theo Tờ trình số: 08/TTr-HĐQT ngày 07/4/2021 của HĐQT Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk. Tỷ lệ sở hữu vốn tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại Dakruco là 2% so với vốn điều lệ.

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu tham dự đại hội: 154.323.900 cổ phần, trong đó:

- Số phiếu tán thành: 154.313.800 cổ phần, chiếm tỉ lệ 99,9935% (tỉ lệ qui định $\geq 65\%$).
- Số phiếu không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0,0000%
- Số phiếu không có ý kiến: 5.000 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0,0032%
- Số phiếu không hợp lệ và không tham gia biểu quyết: 5.100 cổ phần, chiếm 0,0033%

Kết luận: Thông qua.

8. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và phương hoạt động năm 2021

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu tham dự đại hội: 154.323.900 cổ phần, trong đó:

- Số phiếu tán thành: 154.318.800 cổ phần, chiếm tỉ lệ 99,9967% (tỉ lệ qui định $\geq 51\%$).
- Số phiếu không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0,0000%
- Số phiếu không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0,0000%
- Số phiếu không hợp lệ và không tham gia biểu quyết: 5.100 cổ phần, chiếm

0,0033%

Kết luận: Thông qua.

9. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Ban điều hành.

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu tham dự đại hội: 154.323.900 cổ phần, trong đó:

- Số phiếu tán thành: 154.318.800 cổ phần, chiếm tỉ lệ 99,9967% (tỉ lệ qui định $\geq 51\%$).
- Số phiếu không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0,0000%
- Số phiếu không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0,0000%
- Số phiếu không hợp lệ và không tham gia biểu quyết: 5.100 cổ phần, chiếm 0,0033%

Kết luận: Thông qua.

10. Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán độc lập

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu tham dự đại hội: 154.323.900 cổ phần, trong đó:

- Số phiếu tán thành: 154.316.600 cổ phần, chiếm tỉ lệ 99,9953% (tỉ lệ qui định $\geq 51\%$).
- Số phiếu không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0,0000%
- Số phiếu không có ý kiến: 2.200 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0,0014%
- Số phiếu không hợp lệ và không tham gia biểu quyết: 5.100 cổ phần, chiếm 0,0033%

Kết luận: Thông qua.

11. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Ban kiểm soát.

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu tham dự đại hội: 154.323.900 cổ phần, trong đó:

- Số phiếu tán thành: 154.316.600 cổ phần, chiếm tỉ lệ 99,9953% (tỉ lệ qui định $\geq 51\%$).
- Số phiếu không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0,0000%
- Số phiếu không có ý kiến: 2.200 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0,0014%
- Số phiếu không hợp lệ và không tham gia biểu quyết: 5.100 cổ phần, chiếm 0,0033%

Kết luận: Thông qua.

Biên bản kiểm phiếu biểu quyết cuộc họp ĐHĐCĐ năm 2021 được lập xong

lúc 11 giờ 30 phút cùng ngày và đã thông qua trước Đại hội.

Đại hội nhất trí 100 %, không có ý kiến khác.



TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU

Võ Đình Thanh Tuấn



BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2020 VÀ
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2021

Thực hiện Điều lệ Công ty đã được bổ sung, sửa đổi thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, thay mặt HĐQT tôi xin báo cáo trước Đại hội về hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) năm 2020 và nhiệm vụ năm 2021 với các nội dung chủ yếu như sau:

I. Hoạt động của HĐQT năm 2020:

1. Thông tin về thành viên HĐQT:

Năm 2020 thành phần HĐQT vẫn được duy trì không có sự thay đổi, bao gồm có 07 thành viên như sau :

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT	TV Không điều hành
2	Bùi Quang Ninh	TV.HĐQT <i>Tổng Giám đốc</i>	TV Điều hành
3	Nguyễn Độ	TV. HĐQT <i>Phó Tổng Giám đốc</i>	TV Điều hành
4	Nguyễn Trần Giang	TV. HĐQT <i>Kế toán trưởng</i>	TV Điều hành
5	Nguyễn Văn Cúc	TV. HĐQT <i>TP, Nhân sự - Pháp chế</i>	TV Điều hành
6	Đỗ Văn Định	TV. HĐQT	TV Độc lập
7	Nguyễn Văn Nam	TV. HĐQT	TV Độc lập

2. Hoạt động của HĐQT năm 2020 :

Trong năm 2020 HĐQT đã triển khai họp ĐHĐCĐ thường niên và tiến hành họp HĐQT định kỳ đúng với quy định của Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ của Công ty và quy định của Luật doanh nghiệp; việc họp HĐQT đảm bảo mỗi quý họp 01 lần, trường hợp xét thấy cần thiết giải quyết những nội dung công việc quan trọng thì đã tiến hành họp HĐQT bất thường; tại mỗi lần họp các thành viên tham dự đều đạt từ 86% trở lên. Các cuộc họp định kỳ của HĐQT đều xem xét, đánh giá kết quả SXKD quý trước và các nội dung trình HĐQT của Ban điều hành để tháo gỡ những khó khăn, định hướng sản xuất kinh doanh đặc biệt là nguồn vốn cho sản xuất. Bên cạnh đó việc lấy ý kiến các thành viên HĐQT cũng được triển khai nhanh chóng để ban hành các

ng nghị quyết kịp thời cho Ban điều hành triển khai thực hiện các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT. Cụ thể, HĐQT đã tổ chức 05 phiên họp định kỳ trực tiếp, 13 lần lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 18 nghị quyết. Các nghị quyết của HĐQT tập trung vào việc chỉ đạo thay đổi cơ cấu cây trồng cho phù hợp với nhu cầu của thị trường và hiệu quả kinh tế; cho chủ trương vay vốn phục vụ cho sản xuất, kế hoạch bán hàng sản phẩm cao su và chuối, chủ trương thoái vốn của Dakruco và cho chủ trương người đại diện vốn của Dakruco biểu quyết tại các cuộc họp HĐQT của các doanh nghiệp có vốn góp của Dakruco; chỉ đạo các giải pháp trọng tâm cần được triển khai trong từng giai đoạn.

- Ngoài ra HĐQT đã thông qua việc xây dựng các quy chế quản lý trong các lĩnh vực, nhằm đảm bảo cho các hoạt động sản xuất kinh doanh lành mạnh, hiệu quả: Lựa chọn nhà thầu mua sắm trong hoạt động sản xuất kinh doanh và duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty; Quy chế Tổ chức, quản lý và hoạt động của Công ty TNHH phát triển cao su Đắk Lắk – Mondulkiri; Quy chế lương, thưởng và phúc lợi của Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk. Đồng thời ban hành Chương trình phát triển cao su bền vững giai đoạn 2020 – 2025, hướng tới mục tiêu được cấp chứng chỉ FSC cho sản phẩm mù và gỗ cao su.

3. Kết quả đánh giá phân loại HĐQT và thành viên HĐQT năm 2020:

Tại cuộc họp HĐQT ngày 07/4/2021, HĐQT thống nhất đánh giá phân loại tập thể HĐQT hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và phân loại từng thành viên HĐQT như sau:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Mức phân loại
1	Nguyễn Việt Tượng	Chủ tịch HĐQT	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
2	Bùi Quang Ninh	TV.HĐQT <i>Tổng Giám đốc</i>	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
3	Nguyễn Độ	TV. HĐQT <i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
4	Nguyễn Trần Giang	TV. HĐQT <i>Kế toán trưởng</i>	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
5	Nguyễn Văn Cúc	TV. HĐQT <i>TP, Nhân sự - Pháp chế</i>	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
6	Đỗ Văn Định	TV. HĐQT độc lập	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
7	Nguyễn Văn Nam	TV. HĐQT độc lập	Hoàn thành tốt nhiệm vụ

II. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành :

Căn cứ Điều lệ và Quy chế Quản trị Công ty, HĐQT đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

Hội đồng quản trị thường xuyên tham gia các buổi giao ban định kỳ của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Qua đó, vừa nắm bắt tình hình, vừa kịp thời chủ động đề xuất, chỉ đạo và cùng Ban điều hành giải quyết các vướng mắc nhằm đảm bảo thống nhất chủ trương của HĐQT trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc thực hiện căn cứ vào Điều lệ và Quy chế Quản trị nội bộ Công ty đảm bảo hoạt động của Công ty đúng định hướng phát triển tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật :

- Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và các nghị quyết HĐQT trong năm 2020.

- Chỉ đạo và giám sát hoạt động đầu tư dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thay đổi cơ cấu cây trồng cho phù hợp với nhu cầu của thị trường và hiệu quả kinh tế tốt hơn. Đôn đốc Ban Tổng Giám đốc thực hiện kế hoạch khai thác, chăm sóc vườn cao su, công tác bán hàng và đầu tư xây dựng cơ bản để mang lại hiệu quả.

- Chỉ đạo thực hiện chế độ báo cáo tài chính, báo cáo Quản trị định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của UBCKNN và Sở giao dịch chứng khoán, đảm bảo thông tin được minh bạch và công bằng giữa các cổ đông, tôn trọng lợi ích của các bên có liên quan. Các Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT và các thông tin liên quan được công bố công khai, kịp thời trên hệ thống phần mềm IDS, gửi UBCKNN Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, đăng tải trên Website công ty theo đúng quy định công bố thông tin của UBCKNN.

Qua chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, HĐQT và Ban Kiểm soát công ty đánh giá hoạt động của Ban điều hành trong năm 2020 cơ bản đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao trong sự tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ và các quy chế hoạt động của Công ty:

+ Ban Tổng Giám đốc đã thực thi nhiệm vụ đúng chức năng, thẩm quyền phân cấp quản trị, thực hiện đúng và đầy đủ các Nghị quyết HĐQT, Nghị quyết ĐHĐCĐ. Điều hành Công ty hoàn thành mục tiêu năm 2020; hoạt động đúng định hướng chỉ đạo của HĐQT, các chỉ tiêu lớn do ĐHĐCĐ đề ra đều vượt. Các hoạt động về đầu tư xây dựng cơ bản, thanh lý vườn cao su, Dự án trồng cây nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT và quy định pháp luật. Dự án triển khai đúng tiến độ, chất lượng và cơ bản đã đạt được hiệu quả.

+ Quản lý tài chính tốt, cân đối nguồn vốn phục vụ đầu tư, sản xuất kinh doanh, không có nợ xấu. Báo cáo tài chính các quý, báo cáo bán niên được thực hiện đúng tiến độ, phản ánh đầy đủ chính xác theo những chuẩn mực kế toán và được công bố thông tin kịp thời.

- Kết quả đạt được so với nghị quyết do ĐHĐCĐ đề ra như sau:

a/ Về sản lượng các loại sản phẩm:

- Sản lượng thực hiện đạt 12.939,17 tấn/ 13.619,33 đạt 95,00%. Trong đó:

+ Sản lượng mù cao su khai thác 6.491,14 tấn/6.043,58 tấn , đạt 107,41% kế hoạch năm.



+ Sản lượng chế biến sợi chỉ thun: 2.193,9 tấn/KH 1.234,0 tấn, đạt 176,50 % kế hoạch năm.

+ Sản lượng chanh dây: 555,74 tấn/KH 1.068,17tấn, đạt 52,03% kế hoạch năm.

+ Sản lượng chuối: 3.697,39 tấn/KH 5.264,00 tấn, đạt 70,23% kế hoạch năm

b/ Về doanh thu và lợi nhuận :

-Tổng doanh thu thực hiện 497.654,75 triệu đồng/472.138,50 triệu đồng, đạt 105,40%.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 29.559,49 triệu đồng/ 28.636,00 triệu đồng, đạt 103,22%

c/ Về công tác trồng tái canh cao su :

Diện tích trồng mới cao su: 561,38 ha / 644,31 ha, đạt 87,1%. Lý do không đạt, vì diện tích thành lý vườn cây không kịp thời vụ.

d/ Về triển khai đầu tư dự án đầu tư Khu nông nghiệp theo hướng ứng dụng Công nghệ cao tại Nông trường Cư Mgar

Ban điều hành đã khảo sát đầu tư hệ thống hạ tầng, lập kế hoạch và chuẩn bị phương án sản xuất nông nghiệp UDCNC tại chi nhánh nông trường Cư Mgar, nhưng UBND tỉnh chưa phê duyệt chủ trương, nên hiện nay diện tích đất này đang cho thuê để trồng cây ngắn ngày chờ đến khi được sự phê duyệt của UBND tỉnh sẽ tiếp tục triển khai.

e/ Về chủ trương thoái vốn :

Các chủ trương thoái vốn như bán toàn bộ tài sản tại Chi nhánh Khách sạn Dakruco và bán 30,6% vốn điều lệ tại DRI, để cơ cấu lại tình hình tài chính, Ban điều hành chưa thực hiện được vì đến hết năm 2020 UBND tỉnh vẫn chưa có văn bản trả lời.

III. Chi phí hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát và Ban điều hành:

- Tổng Quỹ tiền lương, thù lao cho người quản lý và chi phí hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát thực hiện trong năm 2020 là 2.410,699 triệu đồng, trong đó được ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020: 2.456,012 triệu đồng, giảm 45.313 triệu đồng, theo đúng hướng dẫn tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH, ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội. Phân phối quỹ tiền lương và thù lao năm 2020, như sau:

+ Quỹ tiền lương của người quản lý chuyên trách: 2.211,738 triệu đồng.

+ Quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách: 189,561 triệu đồng.

+ Đã chi trong năm 2020 là: 1.429,878 triệu đồng, số còn lại sẽ thực hiện trong năm 2021.

- Chi phí hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát đã thực hiện 9,4 triệu đồng/200 triệu đồng, bằng 4,7% kế hoạch.

III. Định hướng hoạt động của năm 2021.

Bước vào năm 2021, trong bối cảnh kinh tế của Việt Nam và thế giới vẫn còn nhiều khó khăn, đặc biệt dịch Covid -19 trên toàn thế giới chưa được đẩy lùi, mặt dù

đã có vacxin phòng Covid -19; sự suy thoái kinh tế của các nền kinh tế lớn trong năm 2020 sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình phục hồi kinh tế thế giới; giá mù cao su đã có bước phục hồi, nhưng chưa thật sự ổn định... , tất cả vấn đề đó chắc chắn sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến giá mù cao su thiên nhiên và giá chuỗi tươi của Công ty. Cùng với đó biến đổi khí hậu ngày càng lớn, năm nay thời tiết lạnh kéo dài, nắng gay gắt hơn sẽ ảnh hưởng đến chất lượng vườn cây và sản lượng mù cao su, cũng như sản phẩm chuỗi. Vì vậy năm 2021 tiếp tục là năm có nhiều rủi ro và thách thức đặt ra đối với HDQT.

Với kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 sẽ trình Đại hội đồng cổ đông lần này, HDQT xây dựng kế hoạch hoạt động với các định hướng mục tiêu và giải pháp như sau :

1. Định hướng một số chỉ tiêu chính trong kế hoạch SXKD 2021 .

- Tổ chức khai thác và mua ngoài: 5.526,10 tấn mù cao su quy khô;
- Xuất bán : 5.000 tấn; trong đó xuất khẩu 49%, bán nội địa chiếm 51%;
- Sản phẩm chỉ thun : 1.800 tấn
- Sản lượng chuỗi xuất bán : 5.491,24 tấn;
- Tổng doanh thu : 427.616, 07 triệu đồng
- Tổng chi phí : 377.237,48 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 50.379 triệu đồng
- Trồng tái canh 549,59 ha cao su theo mô hình trồng cao su hàng kép xen canh.

2. Giải pháp :

- Thực hiện thoái vốn của Nhà nước xuống còn 75% vốn điều lệ, khi có chủ trương của UBND tỉnh Đắk Lắk. Hoàn thiện việc thoái vốn chi nhánh Khách sạn Dakruco trong quý II/2021 và tiếp tục đề nghị để chủ sở hữu vốn lớn nhất là UBND tỉnh xem xét cho tiếp tục thoái 30,6% vốn điều lệ tại Công ty cổ phần Đầu tư cao su Đắk Lắk. Song song với đó, tiếp cận các ngân hàng thương mại để để vay vốn tái canh cây cao su và dự án NNUDCNC; đồng thời tái cơ cấu nợ vay, tái cơ cấu tài chính Công ty; không để xảy ra tình trạng mất thanh khoản.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả lĩnh vực khai thác, chế biến và tiêu thụ mù cao su trên cơ sở xây dựng và phát triển thương hiệu Dakruco gắn với nhãn hiệu cao su Việt Nam; đẩy mạnh hiệu quả hoạt động của dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hoàn thành việc đầu tư nông nghiệp toàn bộ diện tích và từng bước hoàn thành đầu tư cơ sở hạ tầng. Thực hiện đầu tư vào dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ tại chi nhánh Nông trường cao su CưMgar, ngay khi được UBND tỉnh cho phép.

- Đối với sản phẩm trái cây duy trì, phát triển bền vững đạt tiêu chuẩn VietGap và GlobalGap; tìm kiếm bạn hàng và mở rộng thị trường xuất khẩu để đảm bảo việc kinh doanh các sản phẩm ổn định về thị trường. Tiếp tục duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng và hệ thống quản lý môi trường theo các tiêu chuẩn ISO.

- Tiến hành đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy chế biến mù, Nhà máy chế biến chi thun; hệ thống quan trắc môi trường tự động Nhà máy chế biến mù; đầu tư Nhà ở, Nhà làm việc; kéo điện lưới và đầu tư Nhà máy Chế biến mù SVR10, SVR20 tại Dakmoruco. Tập trung chi đạo nâng cao hiệu quả kinh doanh của Chi nhánh chế biến chi thun cao su và Công ty Dakmoruco, giảm lỗ và tiến tới có lãi cao.

- Xây dựng và triển khai đề án củng cố và phát triển Công ty giai đoạn 2021-2025; gắn với thực hiện Chương trình phát triển cao su bền vững giai đoạn 2020-2025.

- Chính sửa, bổ sung Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty trình ĐHCĐ thông qua, để phù hợp với Luật doanh nghiệp có hiệu lực từ ngày 01/01/2021; trên cơ sở đó rà soát, chỉnh sửa các quy chế, quy định của Công ty.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT năm 2020 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2021 của HĐQT, đề nghị ĐHCĐ thảo luận, đóng góp ý kiến để HĐQT Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ do Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 giao.

Nơi nhận

- Thành viên HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Người QTCT;
- Phòng HC (đăng tải Website);
- Lưu VT.



Nguyễn Viết Tượng

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2020
PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2021 CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Thực hiện Điều lệ Công ty Cổ phần Cao su Đăk Lăk đã được bổ sung, sửa đổi thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. Nay, Tổng Giám đốc xin báo cáo trước Đại hội về hoạt động của Ban điều hành năm 2020 và nhiệm vụ năm 2021 với các nội dung chủ yếu như sau:

PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

I. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi:

Năm 2020, với sự hoạt động linh hoạt, kịp thời của Hội đồng quản trị đã tạo điều kiện cho Ban Tổng giám đốc Công ty triển khai nhanh các chủ trương, kế hoạch sản xuất kinh doanh đến từng đơn vị sản xuất, hoàn thành các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 đã đề ra.

2. Khó khăn:

- Diện tích vườn cây cao su kinh doanh khai thác giảm dần do Nhà nước thu hồi đất và thực hiện lộ trình thanh lý trồng tái canh đã ảnh hưởng lớn đến tổng sản lượng mù cao su của Công ty. Bên cạnh đó, diễn biến thời tiết không thuận lợi, dịch bệnh trên vườn cây cao su ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng.

- Giá mù cao su nguyên liệu trên thị trường trong những tháng cuối có khởi sắc nhưng vẫn ở mức thấp. Các hợp đồng tín dụng ngân hàng bị cắt giảm hạn mức cho vay ngắn hạn do doanh thu từ việc kinh doanh mù cao su giảm, các ngân hàng thương mại ít quan tâm đến lĩnh vực đầu tư trong nông nghiệp. Do vậy, Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc tìm nguồn vốn vay dài hạn để tái canh vườn cây cao su và đầu tư vào dự án.

- Công tác triển khai thoái vốn các dự án (Khách sạn Dakruco, DRI) chưa thực hiện được do có sự thay đổi chủ trương của chủ sở hữu vốn Nhà nước, làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

Năm 2020, Hội đồng Quản trị đã ban hành 18 Nghị quyết và 01 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020. Ban Điều hành đã tham mưu HĐQT Công ty ban hành 03 quy chế và Tổng Giám đốc đã ban hành 02 quy chế. Đặc biệt là Quy chế lựa chọn nhà thầu mua sắm trong hoạt động sản xuất kinh doanh và duy trì



hoạt động thường xuyên của Công ty. Trên cơ sở đó, Ban Điều hành đã kịp thời chỉ đạo các phòng ban, đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện nhiệm vụ và đạt được kết quả như sau:

1. Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất:

1.1. Công tác sản xuất, chế biến:

- Tổng diện tích cao su Công ty trực tiếp đang quản lý là 7.329,81 ha. Trong đó: cao su kinh doanh: 2.314,07 ha, cao su KTCB: 4.369,36 ha, cao su trồng mới năm 2020: 561,38 ha, diện tích cao su thành lý và chưa trồng mới: 628,37 ha; diện tích cao su liên kết 1.223,88 ha.

- Tổng sản lượng mù cao su khai thác năm 2020 đạt: 6.316 tấn cao su quy khô, đạt 104,52% Nghị quyết HĐQT. Trong đó: Sản lượng từ vườn cây Công ty: 3.411 tấn, sản lượng từ vườn cây liên kết: 1.112 tấn và sản lượng mua ngoài: 1.793 tấn.

- Tổng SP mù cao su chế biến năm 2020 thực hiện: 6.496 tấn. Trong đó: Sản phẩm cao su khối (SVR): 6.395 tấn, chiếm 98,43%; sản phẩm cao su ly tâm (HA): 78 tấn, chiếm 1,21%; Skim Block: 23 tấn, chiếm 1,20%; sản phẩm rót cấp, ngoại lệ: 59,6 tấn, chiếm tỷ lệ 0,92%.

- Công tác chăm sóc vườn cây KTCB được triển khai thực hiện đúng tiến độ. So với năm 2019, chất lượng vườn cây loại A tăng 1,94%, loại B tăng 4,12%, loại C giảm 2%, và vườn loại D giảm 4,06%. Chất lượng vườn cây KTCB có tăng loại A,B và giảm C,D nhưng chưa đạt theo chỉ đạo của Công ty. Tổng chi phí đầu tư tiết giảm năm 2020 là 27,3 tỷ đồng (bao gồm đầu tư cao su KTCB tiết giảm 13,3 tỷ đồng, đầu tư XDCB và sửa chữa TSCĐ tiết giảm 14 tỷ đồng).

1.2. Công tác kinh doanh xuất nhập khẩu:

Trên cơ sở công thức bán hàng năm 2021 của HĐQT Công ty phê duyệt, Tổng Giám đốc đã chủ động triển khai mua nguyên liệu và bán sản phẩm cao su đạt được kết quả sau:

a) Kết quả bán hàng sản phẩm cao su như sau:

- Năm 2020 xuất bán: 6.807 tấn sản phẩm cao su quy khô. Trong đó, xuất khẩu: 2.822 tấn, chiếm 41,5%; xuất bán nội địa: 3.985 tấn, chiếm 58,5%.

- Doanh thu SP cao su: 214,25 tỷ đồng/166,3 tỷ đồng, đạt 128,83% KH năm.

- Giá bán bình quân đạt: 31.903.233 đồng/tấn (không bao gồm mù phế phẩm), đạt 105,5% KH (NQ HĐQT: 30.238.000 đồng/tấn).

- Giá bình quân xuất khẩu: 1.530,7 USD/tấn.

b) Thu mua nguyên liệu mù cao su:

Năm 2020 Công ty đã thực hiện mua ngoài 1.793 tấn, đạt 119,5% KH. Công ty thay đổi phương thức kiểm soát trong việc cân đo, nghiệm thu, tiếp nhận và thường xuyên điều chỉnh giá mua mù cao su nguyên liệu của Công ty tương đối sát với thị trường trong từng thời điểm nên đã tạo niềm tin với khách hàng.

1.3. Công tác tài chính:

- Tổng doanh thu năm 2020 đạt: 497,65 tỷ đồng/472,14 tỷ đồng, đạt 105,40% kế hoạch. (Chi tiết Phụ lục số 1)

- Kết quả kinh doanh toàn Công ty lãi: 29,5 tỷ đồng/KH 28,6 tỷ đồng đạt 103,15 % kế hoạch.

- Tình hình tài chính Công ty:

+ Vay ngắn hạn: Đến thời điểm 31/12/2020 tổng dư nợ tại các ngân hàng thương mại còn 246,51 tỷ đồng, tăng 14,43 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2019 (tại 30/12/2019). Trong đó: Nợ ngắn hạn: 194,67 tỷ đồng, nợ dài hạn đến hạn phải trả: 51,84 tỷ đồng.

+ Nợ vay dài hạn: Đến 31/12/2020, tổng dư nợ dài hạn còn 146,79 tỷ đồng, giảm 51,93 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó: Nợ dài hạn: 120,42 tỷ đồng, vay dài hạn của CBCNV: 26,37 tỷ đồng.

- Nộp ngân sách nhà nước 20,79 tỷ đồng, chủ yếu là tiền thuế GTGT đầu ra (8,9 tỷ đồng), tiền thuê đất (8,88 tỷ đồng), thuế thu nhập doanh nghiệp (1,88 tỷ đồng) và các loại thuế khác.

1.4. Công tác trồng tái canh cao su:

- Năm 2020, trồng mới cao su theo mô hình thiết kế hàng kép kết hợp cho hợp đồng trồng xen với tổng diện tích 562,36 ha/644,31 ha. Do thanh lý vườn cây cao su liên kết tại NT Phú Xuân không kịp thời vụ nên công tác trồng mới chỉ đạt 87,27%KH. Vườn cây trồng mới sinh trưởng và phát triển ổn định.

- Chất lượng vườn cao su trồng mới: Vườn cây loại A đạt 100% trên tổng diện tích (562,36ha/562,36 ha), vượt 2% so với kế hoạch đề ra (KH 98% trở lên).

1.5. Công tác thực hiện đầu tư XDCB:

Năm 2020, Công ty chỉ tập trung đầu tư vào các hạng mục công trình thiết yếu trực tiếp phục vụ sản xuất như: Sửa chữa hệ thống đường lô phục vụ công tác vận chuyển mù nguyên liệu tại các đơn vị, đầu tư xây dựng hệ thống rào bờ lô cao su trồng tái canh, các công trình thuộc Dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Nông trường Cư Bao nhằm ưu tiên phục vụ sản xuất. Tổng đầu tư 16 hạng mục công trình, với tổng vốn đầu tư theo dự toán: 7,46 tỷ đồng.

1.6. Công tác lao động, tiền lương và thực hiện chế độ chính sách:

- Tổng số lao động tính đến 31/12/2020 là: 2.732 người (nam: 1.172 người, nữ: 1.560 người). Trong đó lao động gián tiếp: 375 người (chiếm 13,7%), lao động trực tiếp 2.357 người; lao động là người đồng bào dân tộc 975 người (chiếm 35,7%).

- Thu nhập bình quân của CBCNV trong toàn Công ty đạt 6,88 triệu đồng/người/tháng làm việc, đạt 103% Nghị quyết HNND đề ra. Trong năm 2020 mặc dù Công ty đang gặp khó khăn về hoạt động kinh doanh, tài chính nhưng tiền lương được chi trả cơ bản kịp thời.

- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động về bảo hiểm xã hội, ốm đau, thai sản, dưỡng sức, thi đua khen thưởng, chuyển xếp và nâng lương, khám sức khỏe định kỳ theo quy định hiện hành. Trong năm đã trích nộp BHXH: 43,72 tỷ đồng, đạt 100% theo quy định. Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, Công ty đã kịp thời hỗ trợ đóng BHXH cho người lao động tại Chi nhánh KS Dakruco với số tiền 57 triệu đồng. Trong năm đã giải quyết chế độ thôi việc cho 257 trường hợp với số tiền trợ cấp 4,3 tỷ đồng.

1.7. Công tác quản lý chất lượng, môi trường và chương trình phát triển cao su bền vững:

- Thực hiện chương trình sát nhập ISO 9001: 2015 của Nhà máy chỉ thun vào Công ty; thực hiện các cuộc đánh giá nội bộ về ISO 9001:2015 và 1400:2015. Hoàn thiện hồ sơ để Quacert đánh giá chứng nhận lại toàn bộ hệ thống QLCL và QLMT theo quy định. Hoàn thiện hồ sơ và phục vụ đánh giá giám sát chứng nhận hệ thống ISO/IEC:17025 cho phòng kiểm phẩm của Công ty. Hiệp hội cao su Việt Nam tiếp tục duy trì chứng nhận Nhãn hiệu cao su Việt Nam đối với 04 sản phẩm của Công ty đã được chứng nhận.

- Công tác bảo vệ môi trường tại Nhà máy Chế biến mù cao su được tuân thủ theo đề án bảo vệ môi trường, được Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra đánh giá Công ty chấp hành và tuân thủ tốt các qui định pháp luật về môi trường.

- Triển khai Kế hoạch phát triển cao su bền vững giai đoạn 2020 – 2025, triển khai xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững theo Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ban Điều hành đã ban hành kế hoạch tổng thể phát triển cao su bền vững giai đoạn 2020-2025 và triển khai đào tạo nhận thức về thực hiện quản lý rừng bền vững, chuỗi hành trình sản phẩm mù, gỗ cao su theo hệ thống chứng chỉ rừng quốc tế.

1.8. Công tác quản lý đất đai:

- Tổng diện tích Công ty đang quản lý 8.997,2 ha. Trong đó: (Đất nông nghiệp: 8.948,7 ha; đất phi nông nghiệp 42 ha và đất chưa sử dụng 6,5ha).

- Thực hiện chủ trương thu hồi đất của UBND tỉnh về thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội theo quy hoạch đã được phê duyệt theo Quyết định 2201/QĐ-UB, đến cuối năm 2020 Công ty đã bàn giao 308,1 ha về địa phương quản lý. Công tác quản lý đất đai đã được kiểm soát không có phát sinh lấn chiếm mới và tổng số vụ các năm trước đã được Tòa án các cấp đang thụ lý giải quyết tranh chấp 19 vụ, với tổng diện tích là 182,68 ha, đã xử lý 07 vụ và đã thu hồi được 41,1ha. Ngoài ra, Công ty phối hợp với các Chi nhánh đã vận động 08 hộ dân tự ý lấn chiếm tự nguyện trả lại đất cho Công ty, kết quả các hộ đã tự nguyện giao trả lại cho Công ty 0,7ha đất đã lấn chiếm. Các vụ việc còn lại tiếp tục hòa giải, khởi kiện trong năm 2021.

2. Hoạt động dịch vụ và công ty con, chi nhánh đặc thù:

Mặt dù chịu ảnh hưởng bởi những khó khăn chung như của Công ty, về cơ bản các đơn vị đặc thù của Công ty đã hoàn thành khá tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ, cụ thể như sau:

- Đối với Chi nhánh NT Cư Bao: Tổng diện tích các loại cây trồng bao gồm: Diện tích chuỗi xanh: 122,79 ha (trong đó vườn chuỗi trồng năm 2020 là 22,74 ha); diện tích cây sầu riêng: 74,7 ha; diện tích cây mít 50,05 ha; diện tích cây chanh dây 24,7 ha (đã thanh lý); 02 ha dứa giống MD2; cây cau (cây) 18.250 cây; cây keo 28.000 cây. Các loại cây trồng nhìn chung sinh trưởng phát triển khá tốt; so với kế hoạch sản lượng chuỗi: 3.697,39 tấn, bằng 70,23%%; sản lượng chanh dây 555,74 tấn, bằng 52,03%. Do ảnh hưởng của thời tiết, dịch bệnh và thời tiết



lạnh kéo dài trên vườn chuối vào cuối năm làm cho sản lượng chuối không đạt kế hoạch; bệnh phấn trắng trên vườn chanh dây phát triển mạnh, không thể xử lý hiệu quả phải thanh lý sớm... Giá các sản phẩm chuối, chanh dây gặp khó khăn do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

- Đối với Nhà máy Chế biến chi thun: Đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu sản lượng chế biến; tổng khối lượng sản phẩm xuất bán đạt: 2.221 tấn sản phẩm, doanh thu: 123,8 tỷ/70,2 tỷ đồng, đạt 176,28%KH. Kết quả kinh doanh đã giảm lỗ 1,2 tỷ đồng so với kế hoạch HĐQT giao (-6,8tỷ/-8 tỷ đồng); chất lượng sản phẩm loại A chưa đạt kế hoạch, hụt 1,14% (95,4%/96,5%). Chi nhánh đã có nhiều nỗ lực, nhưng vẫn còn lỗ, do mức sản lượng mới đạt hơn 55% công suất thiết kế; thiết bị lạc hậu, xuống cấp chưa có điều kiện đầu tư nâng cấp, chi phí vận hành còn cao.

- Đối với Công ty Dakmoruco: Đã đưa 1.309 ha cao su vào khai thác. Tổng sản lượng mù cao su khai thác thực hiện 2.138 tấn/2.085 tấn mù quy khô, đạt 102,5% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 45,6 triệu riel, tương đương 260,5 triệu đồng/307,5 triệu đồng, đạt 84,7% kế hoạch giao. Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận sử dụng đất (sổ vàng) thời hạn 50 năm. Do ảnh hưởng bởi dịch covid-19 đã làm ảnh hưởng đến giá mù cao su trên thị trường nội địa Campuchia, giá mù bình quân trong 9 tháng đầu năm chỉ bằng 78% giá tại thời điểm cùng kỳ năm 2019.

- Đối với Khách sạn DAKRUCO: Do ảnh hưởng dịch Covid -19, doanh thu kinh doanh dịch vụ khách sạn:19,2 tỷ đồng/28 tỷ đồng, đạt 69%KH. Công suất phòng bình quân 35,4%, đạt 80,3% KH. Lợi nhuận điều hành lỗ 770 triệu đồng.

3. Đánh giá chung kết quả quản lý điều hành SXKD năm 2020:

Năm 2020, đại dịch Covid -19 đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động xuất khẩu sản phẩm mù, gỗ cao su và các sản phẩm trái cây của Công ty. Công tác chỉ đạo điều hành trực tiếp tại Dakmoruco không thực hiện được mà phải thực hiện thông qua gián tiếp chỉ đạo từ xa. Đặc biệt, với 2 đợt giãn cách xã hội đã ảnh hưởng rất lớn đến các hoạt động dịch vụ của Khách sạn Dakruco, doanh thu và lợi nhuận không đạt, ảnh hưởng trực tiếp đến việc làm, thu nhập của người lao động. Với nỗ lực quyết tâm lãnh đạo, chỉ đạo của HĐQT, Ban Điều hành và tập thể CBCNV Công ty đã phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD đề ra, kết quả đạt được như sau:

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	KH 2020	Thực hiện 2020	TL % so KH
1	Tổng sản lượng mù cao su	Tấn	6.043	6.316	104,52%
3	Giá bán bình quân	Trđ/tấn	30	32	105,52%
5	Tổng doanh thu	Trđ	472.140	497.654	105,40%
	+ Doanh thu bán mù cao su	Trđ	166.300	214.254	128,83%
6	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	28.600	29.500	103,15%
7	Thu nhập bình quân/tháng	Trđ	6,86	6,88	100,29%
8	Nộp ngân sách nhà nước	Trđ	-	20.79	

PHẦN THỨ HAI
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2021

I. CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Năm 2021 tình hình kinh tế thế giới và trong nước sẽ tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn, dịch bệnh Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp; biến đổi khí hậu khó lường, ảnh hưởng mạnh đến sản xuất nông nghiệp. Chính vì vậy, việc phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu SXKD trong năm 2021 là hết sức khó khăn đối với Công ty. Phát huy nội lực, sức mạnh đoàn kết thống nhất trong toàn thể CBNV, vì mục tiêu phát triển Công ty, tiếp tục phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ chính như sau:

1. Các chỉ tiêu chính kế hoạch kinh doanh và đầu tư chủ yếu năm 2021

TT	Các chỉ tiêu	DVT	Kế hoạch 2021
1	Tổng sản lượng các sản phẩm	tấn	12.817
1.1	Mủ cao su	"	5.526
1.2	Sợi chỉ thun	"	1.800
1.3	Chuối tươi	"	5.491
2	Tổng doanh thu	Trđ	427.616
2.1	Doanh thu bán mủ cao su	Trđ	150.052
2.2	Sợi chỉ thun	"	110.441
2.3	Chuối tươi	"	34.924
2.4	Trồng xen, hoạt động tài chính và khác	"	132.197
3	Tổng chi phí	Trđ	377.237
4	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	50.379
5	Thu nhập bình quân/tháng	Trđ	7.122
6	Chi phí đầu tư	Trđ	235.184
6.1-	Đầu tư trồng mới CS và KTCB	"	161.004
6.2-	Đầu tư nông nghiệp	"	29.369
6.2-	Đầu tư XD CB	"	44.811

(Kế hoạch đầu tư vườn Cao su, CNC và XD CB kèm theo Phụ lục số 2)

2. Chỉ tiêu trồng mới, chăm sóc cao su và đầu tư phát triển

2.1. Trồng tái canh 549,59 ha cao su theo mô hình trồng cao su hàng kép xen canh (nếu trường hợp đảm bảo được nguồn vốn đầu tư); chất lượng vườn cây trồng mới loại A đạt 98% trở lên. Chăm sóc vườn cây cao su KTCB phát triển theo quy trình không để rớt hạng và phấn đấu vườn cây A,B đạt 60%.

2.2. Tiếp tục triển khai Dự án chuyển đổi cây trồng theo hướng ứng dụng công nghệ cao tại Nông trường Cư Mgar sau khi được UBND tỉnh cho phép; tiếp tục hoàn thiện thủ tục dự án tại Nông trường Cư Bao trình UBND tỉnh cấp chứng nhận đầu tư, cấp phép quy hoạch 1/500 và từng bước đầu tư các hạng mục còn lại.

II. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về sản xuất kinh doanh:

- Tăng cường kiểm soát chặt chẽ về chi phí, giá thành sản xuất nhằm đảm bảo hiệu quả SXKD có lãi theo kế hoạch; tăng cường công tác thu mua mù nguyên liệu làm giảm định phí trên đầu tấn sản phẩm; tập trung chăm sóc vườn cây và phòng, chống bệnh hại trên vườn.

- Duy trì chứng nhận Nhân hiệu Cao su Việt Nam và duy trì ổn định khách hàng cao su truyền thống; tìm hiểu nghiên cứu mở rộng phát triển thị trường đối với sản phẩm chỉ thun và sản phẩm cây ăn trái các loại để trực tiếp xuất khẩu. Tiếp tục duy trì chứng nhận VietGAP và hướng tới xây dựng chứng nhận GlobalGAP đối với sản phẩm chuối; gắn với việc đẩy mạnh tiếp thị và xuất khẩu chuối tươi sáng thị trường Hàn Quốc, Nhật Bản.

- Chủ động kiểm tra, giám sát và hướng dẫn xử lý trong quá trình tổ chức sản xuất, thu hoạch, đóng gói và tiêu thụ sản phẩm tại Dự án nông nghiệp UDCNC NT Cư Bao.

- Triển khai Kế hoạch phát triển cao su bền vững giai đoạn 2020-2025; gắn với việc xây dựng và thực hiện Đề án củng cố, phát triển Công ty giai đoạn 2021-2025.

2. Về công tác đầu tư quản lý và sử dụng đất:

- Tập trung đầu tư theo kế hoạch vào các vườn cây KTCB đảm bảo sinh trường phát triển tốt, cắt giảm các khoản đầu tư xây dựng cơ bản chưa thật sự cần thiết để giảm áp lực về vốn.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản trên cơ sở phục vụ các công trình thiết yếu phục vụ sản xuất và đầu tư; theo dõi, giám sát quá trình thi công theo đúng quy định.

- Tiếp tục triển khai chủ trương quy hoạch, phát triển thêm các loại cây trồng thuộc Dự án nông nghiệp UDCNC tại Chi nhánh NT Cư Mgar khi được UBND tỉnh cho phép; hoàn thiện các công trình hạ tầng kỹ thuật Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo định hướng của HĐQT.

- Tiếp tục quản lý sử dụng đất theo phương án sử dụng đất đã được phê duyệt và chỉ bản giao diện tích đất về địa phương theo phương án rà soát đất đai sau khi UBND tỉnh phê duyệt. Việc bản giao đất đai phải đảm bảo không bị thiệt hại về tài chính và quyền lợi người lao động.

3. Về công tác tài chính:

- Triển khai bán tài sản tại cụm dịch vụ Khách sạn Dakruco trong quý II/2021; thoái 30,6% vốn điều lệ tại DRI khi UBND tỉnh cho chủ trương; thực hiện thoái vốn Nhà nước tại Công ty theo kế hoạch của UBND tỉnh để vốn Nhà nước còn lại trên 75% vốn điều lệ. Cùng với việc tái cơ cấu nợ vay và tiếp cận các ngân hàng thương mại để vay vốn tái canh cây cao su; đầu tư dự án NNUDCNC.

- Xây dựng giải pháp tiết kiệm chi phí sản xuất, chi phí quản lý nhằm hạ giá thành sản xuất ở mức thấp nhất có thể, chống lãng phí, thực hành tiết kiệm.

- Tăng cường quản lý khối cao su liên kết, thu hồi nợ đầu tư và tiền bán cây cao su thanh lý, không để thất thoát tài sản.

4. Về tái cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty:

Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nhân sự, sắp xếp bộ máy gián tiếp tại một số chi nhánh, phòng ban theo hướng tinh gọn, hiệu quả và tiết giảm chi phí quản lý; đào tạo cán bộ nguồn cho các lĩnh vực cũng như cán bộ lãnh đạo quản lý đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty. Hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định quản lý trong Công ty để phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty sửa đổi sau cuộc họp ĐHĐCĐ.

Trên đây là nội dung báo cáo kết quả SXKD năm 2020, kế hoạch kinh doanh, đầu tư năm 2021, các chỉ tiêu biểu quyết và các giải pháp thực hiện của Ban Điều hành trình ĐHĐCĐ xem xét cho ý kiến và biểu quyết các chỉ tiêu chủ yếu đề HĐQT và Ban Điều hành tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2021;
- Thành viên HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Tổng giám đốc;
- Quản trị Công ty;
- Lưu VT.HC

TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Quang Ninh

Phụ lục số 1
CÁC CHỈ TIÊU KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2020

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện (Tỷ đồng)	Kế hoạch (Tỷ đồng)	%TH/KH
1	Doanh thu bán thành phẩm	214,25	166,31	128,83%
2	Doanh thu chanh dây	4,28	17,06	25,09%
3	Doanh thu chuối	20,98	32,96	63,65%
4	Doanh thu hợp đồng trồng xen	35,31	37,02	95,38%
5	Doanh thu khách sạn	19,23	25,00	76,92%
6	Doanh thu chi thun	123,26	70,23	175,51%
7	Doanh thu hoạt động tài chính	42,12	24,91	169,09%
8	Thu nhập khác	38,22	98,66	38,74%
	Tổng cộng	497,65	472,14	105,40%

Phụ lục số 2
Kế hoạch đầu tư vườn cao su, cây ăn trái CNC và XDCB

TT	Chỉ tiêu	Diện tích (ha)	Giá trị đầu (1.000đ)	Chi phí đầu tư bq/ha (1.000đ)
I	Đầu tư chăm sóc vườn cao su	5.047,64	161.004.114	33.615
1	Vườn cây cao su trồng năm 2015	673,35	20.507.790	30.456
2	Vườn cây cao su trồng năm 2016	1.011,82	30.476.392	30.120
3	Vườn cây cao su trồng năm 2017	876,05	27.320.976	31.187
4	Vườn cây cao su trồng năm 2018	639,29	19.393.936	30.337
5	Vườn cây cao su trồng năm 2019	478,03	14.569.182	30.478
6	Vườn cây cao su trồng năm 2020	561,38	19.161.050	34.132
7	Vườn cây cao su trồng năm 2021	549,59	29.574.788	53.812
II	Đầu tư vườn cây ăn trái CNC	272,24	29.369.339	
1	Vườn Sầu riêng trồng năm 2019	74,70	5.460.424	73.098
2	Vườn Mít trồng năm 2019	50,05	4.686.637	93.639
3	Vườn chuối trồng năm 2019	100,05	6.403.378	64.002
4	Vườn chuối trồng thuần năm 2020	22,74	2.185.590	96.112
5	Vườn chuối trồng năm 2021	24,70	6.563.062	265.711
6	Vườn cây chắn gió (keo + cau)		167.055	-
7	Trồng vườn nhân dứa MD2		298.095	-
8	Vườn ươm giống chuối		74.896	-

TT	Chi tiêu	Diện tích (ha)	Giá trị đầu (1.000đ)	Chi phí đầu tu bq/ha (1.000đ)
9	Vườn ươm giống cây cao su		1.870.202	-
10	Lắp đặt hệ thống mái che các cụm van hệ thống tưới		230.000	-
11	San gạt đường lô lô A và lô vườn ươm dứa		210.000	-
12	Hệ thống tưới chuỗi lô D tận dụng lại hệ thống tưới chanh dây		720.000	-
13	Hệ thống ray kéo chuỗi		500.000	-
III	Đầu tư các CT XDCB khác		44.811.264	
@	Tổng cộng (I+II+III)		235.184.717	



BÁO CÁO

Kết quả báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ đã được kiểm toán

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk năm 2020 đã được kiểm toán bởi chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk xin báo cáo Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ năm 2020 đã được kiểm toán với các nội dung sau:

1. Báo cáo tài chính năm 2020 gồm:

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020 của Công ty đã được công bố thông tin và đăng tải trên Website Công ty: <https://www.dakruco.com>, bao gồm

- 1.1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 1.2. Báo cáo của Kiểm toán độc lập
- 1.3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020
- 1.4. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020
- 1.5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2020
- 1.6. Thuyết minh báo cáo tài chính

Trong đó một số chỉ tiêu tài chính cơ bản của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020 và Kết quả kinh doanh năm 2020 như sau:

a) Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020.

DVT: Đồng

Chỉ tiêu	01/01/2020	31/12/2020
I. Tổng tài sản	2.289.979.822.832	2.303.553.556.517
1. Tài sản ngắn hạn	194.105.074.632	179.766.863.565
2. Tài sản dài hạn	2.095.874.748.200	2.123.786.692.952
II. Tổng nguồn vốn	2.289.979.822.832	2.303.553.556.517
1. Nợ phải trả	703.633.041.195	707.344.817.581
1.1. Nợ ngắn hạn	435.530.115.805	486.581.742.789



Chỉ tiêu	01/01/2020	31/12/2020
<i>Trong đó: Nợ vay của các tổ chức, cá nhân</i>	232.075.124.708	246.514.859.000
1.2. Nợ dài hạn	268.102.925.390	220.763.074.792
2. Vốn chủ sở hữu	1.586.346.781.637	1.596.208.738.936

b) Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh tại ngày 31/12/2020.

DVT: Đồng

Chỉ tiêu	Kỳ trước	Kỳ này
1. Tổng doanh thu	471.020.198.121	497.654.754.059
2. Tổng chi phí	441.958.710.802	468.095.255.985
3. Lợi nhuận trước thuế	29.061.487.319	29.559.498.074
4. Thuế TNDN	4.108.457.393	2.869.992.208
5. Lợi nhuận sau thuế	24.953.029.926	26.689.505.866

2. Báo cáo của kiểm toán độc lập:

2.1. Cơ sở của ý kiến ngoại trừ: Không có

2.2. Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Vấn đề về thuế và các khoản phải thu, nộp ngân sách Nhà nước

- Các khoản phải thu, phải nộp ngân sách Nhà nước sẽ thay đổi trên báo cáo tài chính khi có các Đoàn thanh tra, kiểm tra về các nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước của các cơ quan có thẩm quyền.

- Việc áp dụng các văn bản luật và các quy định về thuế đối với các nghiệp vụ phát sinh trong quá trình hoạt động đang có nhiều cách hiểu và áp dụng khác nhau trong thực tiễn. Do đó, trong trường hợp có Đoàn thanh tra, kiểm tra về thực hiện các nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, Công ty sẽ trực tiếp giải trình cũng như đưa ra các cơ sở để chứng minh.

Trên đây là nội dung cơ bản của Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty mẹ đã được kiểm toán. Kính trình Đại hội Cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk xem xét thông qua./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông
- Đại hội đồng cổ đông
- Ban KS;
- Người QTCT
- Lưu VT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Viết Tượng



The stamp is circular with a red border. The text inside the stamp reads: 'HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ' at the top, 'CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK' in the center, and 'TRƯỜNG MATHUCCI - T. ĐẮK LẮK' at the bottom. There are two stars on either side of the bottom text.



This is a partial view of the same red circular stamp as above, showing the right side of the circle with the text 'CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK' and 'TRƯỜNG MATHUCCI - T. ĐẮK LẮK'.



BMT, ngày 29 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO
Về công tác kiểm soát Công ty Năm 2020
(Trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021)

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát (BKS) Công ty được quy định tại điều 64, 65 điều lệ Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk (viết tắt là DKRUCO).

- Căn cứ quy chế quản trị nội bộ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

- Căn cứ kết quả các mặt hoạt động của Công ty của Công ty trong năm 2020.

BKS xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên kết quả giám sát các mặt hoạt động của CTCP Cao su Đắk Lắk năm 2020 cụ thể như sau :

I/ Tình hình hoạt động của BKS :

BKS Công ty hoạt động thường trực tại Công ty gồm 03 thành viên sau :

1/ Ông	Nguyễn Thạc Hoành	Trưởng ban
2/ Ông	Phan Thanh Tân	Thành viên
3/ Ông	Nguyễn Văn Thảo	Thành viên

Các hoạt động chủ yếu trong năm :

Giám sát hoạt động của HĐQT trong việc đề ra các chủ trương nghị quyết để thực hiện các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ thường niên. Các nghị quyết để chỉ đạo Ban điều hành trong quá trình tiến hành các hoạt động SXKD và đầu tư. Kết quả , hiệu quả chỉ đạo thực hiện các nghị quyết. Việc tuân thủ pháp luật và điều lệ, tính hợp lý hợp pháp trong xây dựng và triển khai các nghị quyết.

Giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện nghị quyết HĐQT. Thẩm quyền trong xử lý các vấn đề phát sinh theo quy định của điều lệ Công ty. Giám sát kiểm tra toàn bộ các nghiệp vụ kế toán trong doanh nghiệp thông qua phần mềm kế toán, kiểm tra tính hợp lý hợp pháp của chứng từ, của công tác hạch toán kế toán theo các chuẩn mực và luật kế toán hiện hành. Công tác kinh doanh mua bán hàng hóa, quản lý tài sản vườn cây

Kiểm tra kiểm soát việc tuân thủ và chấp hành quy định của pháp luật trong các lĩnh vực kế toán tài chính, thuế, quản lý đất đai.

Kiểm tra về việc công bằng trong phân phối thu nhập đối với người lao động; Việc thực hiện các chế độ bảo hiểm, bảo hộ, tai nạn nghề nghiệp ...

Kiểm tra giám sát các hoạt động thường xuyên tại Công ty con và chi nhánh về thực hiện các chức năng nhiệm vụ được Công ty giao việc quản lý tài sản nguồn vốn và nguồn nhân lực tại các đơn vị cơ sở.

Kiểm tra các giao dịch nội bộ về mua bán hàng giữa Công ty mẹ với công ty CP mà Dakruco giữ chi phối cũng như các công ty góp vốn liên kết.

Trong quá trình thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao BKS tuân thủ đúng quy định của điều lệ về chức năng nhiệm vụ, phối hợp tốt với các phòng ban chức năng trong quá trình kiểm tra cũng như thảo luận đề xuất xử lý những sai sót đảm bảo yêu cầu theo quy định. BKS giữ vững vai trò trung thực khách quan cũng như đảm bảo bí mật thông tin của Doanh nghiệp theo quy định.

II/ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP :

1 - Về hoạt động của HĐQT :

Với một năm đầy khó khăn do giá mủ cao su xuống thấp, tình hình dịch bệnh COVID -19 đã gây nên bất ổn về xã hội và môi trường kinh doanh

Vượt lên khó khăn HĐQT Công ty đã thể hiện được vai trò chỉ đạo bằng các chủ trương, thể hiện thông qua 13 nghị quyết của HĐQT đã ban hành để chỉ đạo kịp thời ổn định sản xuất.

Báo cáo của HĐQT đã đánh giá đúng thực chất kết quả công tác hoạt động trong năm vừa qua đặc biệt các chỉ tiêu liên quan đến sản xuất đều vượt kế hoạch như : Sản lượng thực hiện về mủ cao su, sản lượng chỉ thun, lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch đại hội đề ra như báo cáo HĐQT đã nêu.

Một số chỉ tiêu chưa đạt được như hiệu quả SXKD về chuối và Chanh dây nguyên nhân chủ yếu do ảnh hưởng trực tiếp của dịch COVID - 19 làm cho thị trường phần lớn bị đóng băng, giá rớt quá sâu, Ngoài ra còn do yếu tố thời tiết khi hậu dịch bệnh, những nguyên nhân này nằm ngoài ý chỉ chỉ đạo của HĐQT công ty, giá trị thiệt hại trong sản xuất không đáng kể. Công tác thoái vốn và tái cơ cấu tài chính gặp thời điểm tình hình kinh tế xã hội và giá cả thị trường không thuận lợi, một số cơ chế chính sách phụ thuộc nhiều vào chủ sở hữu nên chưa thực hiện được.

Nội bộ HĐQT đoàn kết và có tâm huyết, nhạy bén với sự thay đổi của môi trường SXKD, đầu tư nhiều thời gian và trí lực để đề ra các chủ trương nghị quyết kịp thời đúng đắn. Đặc biệt là Đ/c Chủ tịch HĐQT Công ty luôn đi sâu tìm hiểu nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của công ty, sự phối hợp trong bộ máy chuyên môn từ Công ty xuống các đơn vị để chỉ đạo kịp thời, giúp bộ máy điều hành hoạt động hiệu quả. Chỉ đạo chuyên môn hoàn thiện các quy chế và dự thảo điều lệ trình đại hội theo luật Doanh nghiệp năm 2020.

2/ Về hoạt động của Ban điều hành :

Trước tình hình khó khăn về tài chính do chưa tìm được ngân hàng tài trợ cho đầu tư cao su tái canh. Bên cạnh đó ảnh hưởng của dịch bệnh Covid - 19 làm cho công tác sản xuất bị ảnh hưởng, công tác kinh doanh bán hàng gặp không ít khó

khẩn. Tuy nhiên ban điều hành luôn thể hiện quyết tâm bám sát nghị quyết chỉ đạo của HĐQT để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Bộ máy Ban điều hành hoạt động thông suốt từ Công ty xuống tận các đơn vị đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo sự phân công.

Công tác chỉ đạo điều hành SXKD đảm bảo đúng nguyên tắc, đúng điều lệ Công ty. Những nội dung phát sinh trong quá trình chỉ đạo sản xuất vượt quá thẩm quyền đều xin ý kiến HĐQT bằng văn bản để xử lý.

Mối quan hệ giữa Ban điều hành và HĐQT phối hợp rất tốt tạo điều kiện thuận lợi cho ban điều hành phát huy năng lực quản lý. Các quan hệ giữa ban điều hành với chủ sở hữu là UBND Tỉnh cũng như các sở ngành đều rất tốt giúp cho Công ty tranh thủ được ý kiến chỉ đạo từ cấp trên và giải quyết tương đối kịp thời các đề nghị của Công ty.

Về các số liệu báo cáo trình đại hội của Ban điều hành được tổng hợp từ tất cả các mặt sản xuất quản lý điều hành của Công ty. Qua đó đánh giá hết các điểm nổi bật đã làm được trong quá trình thực hiện nghị quyết của HĐQT và thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao. Chúng tôi đánh giá cao tinh thần đoàn kết và quyết tâm của bộ máy điều hành đã vượt lên khó khăn tài chính cũng như các yếu tố thời tiết dịch bệnh, giá cả thị trường kể cả một số khó khăn về cơ chế để hoàn thành những chỉ tiêu cơ bản về : Sản lượng, Doanh thu, Lợi nhuận, nghĩa vụ nhà nước và thu nhập người lao động. Đặc biệt với diện tích cao su kinh doanh ngày càng giảm vườn cây già cỗi năng suất thấp, sản lượng ít nhưng ban điều hành đã tìm các cơ chế để tranh thủ thời gian đất trống cho thuê ngắn ngày và hợp đồng trồng xen để gia tăng lợi nhuận và dự kiến chia cổ tức cho cổ đông.

Các hạn chế trong công tác điều hành như chưa tái cơ cấu được nguồn vốn để vay đầu tư cao su Kiến thiết cơ bản và trồng mới do nhiều nguyên nhân chủ yếu chưa thoái vốn được như báo cáo chuyên môn đã phân tích. Một số sai sót trong quản lý điều hành về giao nhận mù đã được Ban điều hành kiên quyết xử lý. Ngoài ra trong chỉ đạo măng Nông nghiệp Công nghệ cao công tác dự báo và xây dựng kế hoạch chưa sâu sát nên khối lượng sản phẩm không hoàn thành cần phải rút ra bài học kinh nghiệm. Chất lượng vườn cây ăn trái chưa có tiêu chí đánh giá về tốc độ tăng trưởng để biết thực chất hiệu quả đầu tư.

Nhìn chung năm 2020 Bộ máy quản lý công ty hoạt động ổn định, thống nhất, phân công phân nhiệm rõ ràng phát huy sức mạnh tập thể trong đơn vị. Cán bộ lãnh đạo và trưởng phó phòng ban chuyên môn thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được phân công, tuân thủ sự lãnh đạo của Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo sự chỉ đạo xuyên suốt và có hiệu quả.

3/ Về kiểm soát các hợp đồng giao dịch nội bộ và người có liên quan :

Trong năm 2020 không phát sinh các giao dịch của người có liên quan đến người quản lý công ty với Công ty về mua - bán hàng hóa. Một số thành viên quản lý cho công ty vay theo chủ trương huy động vốn theo chung của công ty để giải quyết khó khăn ngắn hạn về tài chính, đều có chủ trương của HĐQT, giá trị huy động nhỏ không làm ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty và cổ đông.

Các giao dịch với công ty liên kết với công ty con như với CTCP DRI, CTCP Dakmoruco, CTCP Dakrutech đều đã được HĐQT thống nhất bằng nghị quyết, các giao dịch phát sinh tuân thủ theo nguyên tắc thị trường và đúng quy định pháp luật.

4/ Về tài chính Công ty :

Ban kiểm soát thống nhất với số liệu Báo cáo quyết toán tài chính đã được kiểm toán độc lập soát xét và phát hành . Trong đó số liệu tổng hợp về vốn và tài sản tại ngày 31/12/2020 như sau :

ĐVT: đồng

Chi tiêu	01/01/2020	31/12/2020
I. Tổng tài sản	2.289.979.822.832	2.303.553.556.517
1. Tài sản ngắn hạn	194.105.074.632	179.766.863.565
2. Tài sản dài hạn	2.095.874.748.200	2.123.786.692.952
II. Tổng nguồn vốn	2.289.979.822.832	2.303.553.556.517
1. Nợ phải trả	703.633.041.195	707.344.817.581
1.1. Nợ ngắn hạn	435.530.115.805	486.581.742.789
<i>Trong đó: Nợ vay</i>	<i>232.075.124.708</i>	<i>246.514.859.000</i>
1.2. Nợ dài hạn	268.102.925.390	220.763.074.792
2. Vốn chủ sở hữu	1.586.346.781.637	1.596.208.738.936

Tình hình tài chính Công ty không có nhiều biến động lớn, Tỷ lệ tài sản dài hạn chiếm phần lớn tài sản doanh nghiệp dẫn đến tình trạng mất cân đối vốn, ảnh hưởng đến khả năng thanh toán Cụ thể :

Chi tiêu	ĐVT	01/01/2020	31/12/2020
1. Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
<i>1.1. Cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	8,48	7,80
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	91,52	92,20
<i>1.2. Cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	30,73	30,71
Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	69,27	69,29
2. Khả năng thanh toán nợ đến hạn			
2.1. Khả năng thanh toán nhanh		0,07	0,08
2.2. Khả năng thanh toán nợ		0,11	0,15

Vấn đề mất cân đối tài chính và khó khăn trong thanh khoản, Ban lãnh đạo Công ty đã nhận diện và tích cực triển khai các giải pháp xử lý như : Bán bớt phần vốn góp tại CTCP DRI, thoái vốn cụm khách sạn, tuy nhiên việc thực hiện đã triển khai quyết liệt nhưng chưa thành công.

Mặt khác Công ty đang trong giai đoạn tái canh lại vườn cây nên diện tích cao su kinh doanh ngày càng thu hẹp (Diện tích cao su trồng lại chiếm trên 70%), vốn đầu tư đã triển khai trên 630 tỷ đồng nhưng chưa tìm được ngân hàng tài trợ cho vay

dự án.

Trước những khó khăn như đã nêu trên. Công ty vẫn bảo toàn nguồn vốn, SXKD có lãi đạt và vượt kế hoạch mà ĐHĐCD năm 2020 đã đề ra.

Trước thềm đại hội đã có những dấu hiệu tích cực về giá cao su trên thị trường quốc tế khi thị trường Trung quốc trở lại mua hàng để sản xuất, Cổ phiếu CTCP DRI đã có lúc vượt mệnh giá (10.000đ). Đây là tiền đề để Công ty có thể thoái vốn thành công và tái cơ cấu lại tình hình nợ và khả năng thanh khoản.

Một số chỉ tiêu tài chính khác

Chỉ tiêu	ĐVT	01/01/2020	31/12/2020
1. Tỷ suất sinh lời			
<i>1.1. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	8,60	7,31
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	7,39	6,60
<i>1.2. Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	1,27	1,28
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROE)	%	1,09	1,16
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH (ROA)	%	1,57	1,67
2. Mức độ bảo toàn vốn	Lần	1,015	1,006

III/ CHƯƠNG TRÌNH KẾ HOẠCH NĂM 2021 :

Tại ĐHĐCD thường niên lần này BKS xin ý kiến Đại hội về quy chế hoạt động của BKS trên cơ sở Luật Doanh nghiệp năm 2020, thông tư hướng dẫn số 116/TT/BTC và điều lệ mới của Công ty trình Đại hội lần này.

Qua đó BKS sẽ bám sát nhiệm vụ thực hiện giám sát các mặt hoạt động của Công ty với tinh thần trách nhiệm cao nhất. Tích cực nghiên cứu học hỏi, cập nhật các quy định mới để quá trình giám sát đúng quy định và chuẩn mực hạn chế rủi ro cho Công ty. Tích cực nghiên cứu và tham gia ý kiến vào các chủ trương đường lối, kế hoạch, dự án mới tại các cuộc họp HĐQT và Ban điều hành. Có những ý kiến trung thực về công tác quản lý điều hành, quản lý tài sản công ty, giúp Công ty tránh những rủi ro pháp lý với các cơ quan chức năng bên ngoài.

Thường xuyên trao đổi chia sẻ với HĐQT và Ban điều hành những vấn đề phát hiện trong kiểm tra kiểm soát để phối hợp thống nhất xử lý.

Trên đây là báo cáo công tác kiểm soát trong năm 2020, Xin báo cáo trước ĐHĐCD thường niên năm 2021. Thay mặt BKS xin chân thành cảm ơn

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng Ban

Nguyễn Thạc Hoàng

Nơi gửi :

- HĐQT, TV BKS, Lưu

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Điều lệ và các quy chế
thuộc thẩm quyền phê duyệt của ĐHĐCĐ

Kính gửi : Quý cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020

- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 về Hướng dẫn một số điều về Quản trị Công ty áp dụng cho Công ty Đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT, ngày 07/4/ 2021 của HDQT Dakruco;

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thảo luận và thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và các Quy chế của Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk như sau:

1. Thông qua toàn văn Điều lệ và các Quy chế sau:

a/ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk ;

b/ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk;

c/ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk;

d/ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk.

2. Lý do sửa đổi: bổ sung, điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020.

3. Giao cho HDQT Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk tiếp thu ý kiến đóng góp của cổ đông, điều chỉnh trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật và tình hình thực tế của Công ty và ký ban hành các văn bản trên;

4. Điều lệ Công ty được sửa đổi bổ sung theo mục 3 của Tờ trình này có hiệu lực từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua; HĐQT ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty; Ban Kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty; Các quy chế nêu tại điểm b, c, d mục 1 và sau khi sửa đổi bổ sung theo mục 3 Tờ trình này sẽ có hiệu lực khi HĐQT và Ban Kiểm soát ký ban hành. Các văn bản này sẽ thay thế cho Điều lệ và các Quy chế đã ban hành trước đây. Chi tiết quy định tại các quyết định ban hành Điều lệ và các Quy chế nói trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

Nơi nhận

- Quý cổ đông;
- Cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Ban Kiểm soát;
- Người QTCT;
- Phòng HC (đăng tải lên Website);
- Lưu VT.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Viết Tượng

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK
(DAKRUCO)**



**ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

Buôn Ma Thuột, tháng 4 năm 2021

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	7
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	8
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	8
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	8
Điều 6. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty	11
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	11
Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	11
Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu	11
Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác	12
Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần	12
Điều 11. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)	12
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	13
Điều 12. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành và kiểm soát	13
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	13
Điều 13. Quyền của cổ đông	13
Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông	15
Điều 15. Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 18. Thay đổi các quyền	19
Điều 19. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 22. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	23
Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 24. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	26

Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	27
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	27
Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	27
Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	28
1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là bảy (07) đến chín (09) người.	28
Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	29
Điều 29. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	30
Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	31
Điều 31. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	31
Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	34
Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty.....	34
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	35
Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý.....	35
Điều 35. Người điều hành Doanh nghiệp	35
Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc.....	35
Điều 37. Thư ký Công ty.....	36
IX. BAN KIỂM SOÁT	36
Điều 38. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).....	36
Điều 39. Thành phần Ban Kiểm soát.....	37
Điều 40. Trưởng Ban kiểm soát	37
Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	38
Điều 42. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	38
Điều 43. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	39
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	39
Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	39
Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	40
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	40
Điều 46. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	40
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	41
Điều 47. Công nhân viên và các đoàn thể.....	41
XIII. QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT, ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC.....	41
Điều 48. Mối quan hệ giữa Công ty với các Công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ.	41

Điều 49. Mối quan hệ với Công ty con có cổ phần, vốn góp chi phối hoặc Công ty giữ quyền chi phối	42
Điều 50. Quan hệ giữa Công ty với các Công ty do Công ty nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ	44
Điều 51. Quan hệ giữa Công ty với công ty tự nguyện liên kết	45
Điều 52. Mối quan hệ giữa Công ty với các Đơn vị phụ thuộc	45
Điều 53. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người đại diện phần vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác	45
XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	46
Điều 54. Phân phối lợi nhuận	46
XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	47
Điều 55. Tài khoản ngân hàng	47
Điều 56. Năm tài chính	47
Điều 57. Chế độ kế toán	47
XVI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	47
Điều 58. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	47
Điều 59. Báo cáo thường niên	47
XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY	48
Điều 60. Kiểm toán	48
XVIII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	48
Điều 61. Dấu của doanh nghiệp	48
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	48
Điều 62. Giải thể công ty	48
Điều 63. Gia hạn hoạt động	48
Điều 64. Thanh lý Công ty	49
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	49
Điều 65. Giải quyết tranh chấp nội bộ	49
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	50
Điều 66. Điều lệ công ty	50
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	50
Điều 67. Ngày hiệu lực	50

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức vào ngày 29 tháng 4 năm 2021

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d. *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

e. *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

f. *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g. *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

h. *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

i. *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k. *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

l. *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

m. *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n. *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

o. *Sơ giao dịch chứng khoán* là Sơ giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

ô. *Công ty* là gọi tắt Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk;

ơ. *Đơn vị phụ thuộc* là các Chi nhánh (Nông trường, Nhà máy, Trung tâm ...) hạch toán báo sổ, thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng sản xuất kinh doanh của Công ty theo nhiệm vụ Công ty giao hoặc ủy quyền;

p. *Công ty con* là các Công ty hạch toán độc lập do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc giữ cổ phần, vốn góp chi phối.

q. *Công ty liên kết* là các công ty có cổ phần, vốn góp của Công ty dưới mức chi phối;

r) *Cổ phần chi phối, vốn góp chi phối của Công ty* là cổ phần hoặc vốn góp của Công ty chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó hoặc một tỷ lệ khác theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ của doanh nghiệp đó.

s) *Quyền chi phối* là quyền của Công ty đối với một doanh nghiệp khác, bao gồm ít nhất một trong các quyền sau đây: Quyền của chủ sở hữu duy nhất của doanh nghiệp; Quyền của cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối của doanh nghiệp; Quyền trực tiếp hay gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của doanh nghiệp; Quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp; Quyền trực tiếp hay gián tiếp quyết định chiến lược, kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp; Các trường hợp chi phối khác theo thỏa thuận giữa Công ty và doanh nghiệp bị chi phối và được ghi vào Điều lệ của doanh nghiệp bị chi phối.

t) *Người đại diện phần vốn của Công ty* là cá nhân được Hội đồng quản trị Công ty ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của Công ty đối với phần vốn của Công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAK LAK RUBBER JOINT STOCK COMPANY

- Tên Công ty viết tắt: DAKRUCO

2. Loại hình doanh nghiệp: Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 30 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

- Điện thoại: (0262) 3865015

- Fax: (0262) 3865041

- E-mail: caosu@dng.vnn.vn; caosu@dakruco.com

- Website: www.dakruco.com

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong

phạm vi luật pháp cho phép. Hiện nay, Công ty có 09 đơn vị trực thuộc và 01 Công ty con 100% vốn của Dakruco, bao gồm:

a) Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk - Nông trường 19/8, địa chỉ: Km 13+500 Quốc lộ 27 - Xã Ea B'hốk - Huyện Cư Kuin - Đắk Lắk;

b) Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk - Nông trường Cuôr Đăng, địa chỉ: Buôn Ta'h -Xã Ea D'rong - Huyện Cư M'gar - Đắk Lắk;

c) Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk - Nông trường Cư Bao, địa chỉ: Thôn 8 - Xã Cư Bao – Thị xã Buôn Hồ - Đắk Lắk;

d) Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk - Nông trường Cư Kpô, địa chỉ: Thôn Thống Nhất - Xã Cư Kpô – Huyện Krông Púk - Đắk Lắk;

e) Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk - Nông trường Cư M'gar, địa chỉ: Km20 Tỉnh lộ 8 – xã Ea Kpam – Huyện Cư M'gar - Đắk Lắk;

f) Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk - Nông trường Phú Xuân, địa chỉ: Km20 Quốc lộ 14 - Xã Ea D'rong - Huyện Cư M'gar - Đắk Lắk;

g) Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk – Nhà máy chế biến mù Cao su, địa chỉ: Thôn Đoán kết - Xã Ea D'rong - Huyện Cư M'gar - Đắk Lắk;

h) Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk – Nhà máy chế biến Chỉ thun, địa chỉ: Lô B35-B36 Khu Công Nghiệp Hòa Phú - Xã Hoà Phú - Thành phố Buôn Ma Thuột - Đắk Lắk;

i) Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk – Khách sạn Dakruco, địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh - Thành phố Buôn Ma Thuột - Đắk Lắk;

j) Công ty phát triển cao su Đắk Lắk - Mondulkiri (DakMoruco), địa chỉ: Xã Monorum - Huyện Senmonorum - Tỉnh Mondulkiri – Campuchia.

5. Thời hạn hoạt động: Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 62 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 63 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật, bao gồm:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị;

2. Tổng giám đốc.

Người đại diện theo pháp luật của công ty là cá nhân đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.

Trường hợp hết hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền

và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi HĐQT quyết định cử người khác thay thế.

Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì HĐQT sẽ cử người khác thay thế.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật: Ngoài việc chịu trách nhiệm theo quy định của Pháp luật, thì người đại diện theo pháp luật có các quyền hạn và nghĩa vụ sau:

1. Đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện theo Khoản 3 Điều 30 của Điều lệ này;
2. Đối với Tổng giám đốc thực hiện theo Khoản 4, Điều 36 của Điều lệ này.

II. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty là: Trồng, khai thác, chế biến, mua bán mủ cao su và các sản phẩm từ mủ cao su; trồng, thu hoạch, chế biến, mua bán các sản phẩm của cây ăn quả; cây nông nghiệp ngắn ngày và các ngành nghề khác nêu tại Điều 5 của Điều lệ này.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

a) Công ty được thành lập để hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty trên cơ sở tự tích lũy tái đầu tư để phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

b) Thông qua hoạt động, Công ty góp phần đem lại hiệu quả kinh tế cao cho xã hội, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống cho người lao động trong Công ty.

c) Kết hợp giữa phát triển sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển với nhiệm vụ giữ vững an ninh, chính trị, quốc phòng, hỗ trợ an sinh xã hội;

d) Đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác, kinh doanh có lãi; bảo toàn và phát triển vốn, tạo lợi nhuận cho cổ đông.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
2	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
3	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
4	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
5	Trồng cây hàng năm khác	0119
6	Trồng cây ăn quả	0121
7	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122

8	Trồng cây điều	0123
9	Trồng cây hồ tiêu	0124
10	Trồng cây cao su	0125
11	Trồng cây cà phê	0126
12	Trồng cây chè	0127
13	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
14	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
15	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
16	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
17	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
18	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
19	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
20	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
21	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
22	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
23	Trồng rừng, chăm sóc rừng và uơm giống cây lâm nghiệp	0210
24	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
25	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
26	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
27	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
28	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
29	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
30	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
31	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
32	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
33	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
34	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
35	Sửa chữa thiết bị điện	3314
36	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
37	Xây dựng công trình đường bộ	4212
38	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520

39	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
40	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
41	Bán buôn thực phẩm	4632
42	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
43	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
44	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
45	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
46	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
47	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
48	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
49	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
50	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
51	Bốc xếp hàng hóa	5224
52	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
53	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
54	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
55	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
56	Dịch vụ ăn uống khác	5629
57	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
58	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
59	Đại lý du lịch	7911
60	Điều hành tua du lịch	7912
61	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
62	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
63	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
64	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
65	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633



Thư

Điều 6. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Công ty tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian, điều kiện cần thiết khác để thành viên các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện việc sinh hoạt đầy đủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và nội quy của các tổ chức đó.

III. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 1.558.000.000.000 đồng (Một nghìn năm trăm năm mươi tám tỷ đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 155.800.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông Nhà nước giữ tỷ lệ cổ phần trên 75%.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 13, Điều 14 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ đông: Cổ đông Công ty là cổ đông phổ thông, không có cổ đông sáng lập (Vì là Công ty được cổ phần hoá từ Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk).

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Đối với cổ phần mà tổ chức Công đoàn Công ty và người lao động của Công ty được mua ưu đãi khi Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk cổ phần hoá, chỉ được chuyển nhượng sau ba năm kể từ ngày thành lập Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới, tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.



Thư

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cần trong việc gửi thông báo.

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 12. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành và kiểm soát

1. Cơ cấu tổ chức, quản lý, điều hành và kiểm soát của Công ty bao gồm:

a) Đại hội đồng cổ đông;

b) Hội đồng quản trị;

c) Ban kiểm soát;

d) Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

2. Bộ máy giúp việc gồm các Phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ và các bộ phận.

3. Trong quá trình hoạt động, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành, kiểm soát và bộ máy giúp việc của Công ty có thể được thay đổi để phù hợp với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

V. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 13. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan, cũng như Khoản 1, Điều 10 của Điều lệ này;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

m. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

n. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

o. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm (05)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười (10)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:
 - a/ Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
 - b/ Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;
 - c/ Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d/ Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; biểu quyết điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 15. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định

khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông có thể họp trực tuyến, khi xảy ra tình trạng bất khả kháng như: thiên tai, dịch bệnh xảy ra trên diện rộng.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

b. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan;

c. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

d. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này

ĐƠN
S P
AC
i.K
THL

có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

e. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba lăm (35)% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Quyết định mua lại trên mười (10)% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k. Phê duyệt/ Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh;

- e. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- f. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- g. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- h. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- l. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- m. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- n. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- p. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- q. Quyết định mua lại trên mười (10)% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- r. Quyết định để Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- t. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

342
: TY
(X)
SL
AI
31

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định cụ thể sau:

a) Đối với cổ đông là các nhân chỉ được ủy quyền cho một cá nhân hoặc tổ chức khác dự họp;

b) Đối với cổ đông là tổ chức nắm giữ dưới mười (10)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền tối đa ba (3) cá nhân hoặc tổ chức khác, từ mười (10)% đến dưới năm mươi (50) % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền tối đa ba (3) cá nhân hoặc tổ chức khác dự họp; tổ chức nắm giữ từ năm mươi (50)% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền tối đa năm (5) cá nhân hoặc tổ chức khác dự họp.

3. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực, khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 18. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại

trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 19. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp đại hội đồng cổ đông;

c. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp đại hội đồng cổ đông;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp đại hội đồng cổ đông;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ cuộc họp đại hội đồng cổ đông.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày, trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết/bầu cử;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% (năm) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi (50)% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba (33)% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm đứng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa cuộc họp có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.



Handwritten signature

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

6. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

9. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 22. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;

f. Gia hạn hoạt động công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau:

a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;

b. Phê duyệt/ sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

c. Định hướng phát triển công ty;

d. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

f. Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

g. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

h. Tổ chức lại, giải thể công ty;

i. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

j. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

k. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);

e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi (50)% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- j. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VI. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười (10)% đến dưới hai mươi (20)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ hai mươi (20)%

đến dưới ba mươi (30)% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi (30)% đến dưới bốn mươi (40)% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi (40)% đến dưới năm mươi (50)% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi (50)% đến dưới sáu mươi lăm (65)% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ sáu mươi lăm (65)% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là bảy (07) đến chín (09) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

b) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

Quyền, nghĩa vụ và cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập sẽ được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

175
GT
HÀ
SI
LÀ
175

Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản trừ xuống được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị Công ty và người quản lý quan trọng khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Tổng giám đốc (Giám đốc), Kiểm soát viên của Công ty con do Dakruco nắm giữ 100% vốn điều lệ.

j. Thông qua để Tổng Giám đốc quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật đối với Trưởng phó các phòng ban Công ty; Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng các đơn vị phụ thuộc Công ty;

k. Tổ chức hoạt động kiểm toán nội bộ và quyết định thành lập đơn vị kiểm toán nội bộ của Công ty (nếu có);

l. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

m. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

n. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

o. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

p. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

q. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

r. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị (nếu có), Quy chế về công bố thông tin của công ty..;

s. Yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.

t. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

u. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 29. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 31. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 9 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều này khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 44 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà chủ tọa cuộc họp hiện diện.

16. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 28 Điều lệ này.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

17. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài (nếu cần), có các nội dung chính quy định tại Điều 158 của Luật Doanh nghiệp, Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp của Hội đồng quản trị phải có chữ ký của chủ tọa và thư ký cuộc họp; chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người, bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty. Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát hoặc nhóm các cổ đông.

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;



ĐNB

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này..

VII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 35. Người điều hành Doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; điều hành kế hoạch kinh doanh theo mục tiêu, kế hoạch phù hợp với Điều lệ và các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc của Hội đồng quản trị; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 37. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ Công ty.

VIII. BAN KIỂM SOÁT

Điều 38. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 26 Điều lệ này. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến hai mươi phần trăm (20%) thì được đề cử một (01) thành viên; từ trên hai mươi phần trăm (20%) đến bốn mươi phần trăm (40%) thì được quyền đề cử hai (02) thành viên; từ trên bốn mươi phần trăm (40%) đến sáu mươi phần trăm (60%) thì được đề cử ba (03) thành viên; từ trên sáu mươi phần trăm (60%) đến tám mươi phần trăm (80%) thì

Damb

001
 ĐƠN
 Ô F
 CAC
 AK
 4TH

được đề cử bốn (04) thành viên; và nếu lớn hơn tám mươi phần trăm (80%) thì được đề cử năm (05) thành viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tiếp.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định theo pháp luật hiện hành.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 42. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

15823
3 TY
HÀP
SU
LÃB
10-1

Thom

Điều 43. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi (50)% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn ba mươi lăm (35)% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm (35)% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười (10)% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ năm mươi một (51)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

X. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 46. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của

minh; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm (5)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 47. Công nhân viên và các đoàn thể

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức đoàn thể theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XII. QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT, ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC

Điều 48. Mỗi quan hệ giữa Công ty với các Công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ.

1. Các Công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ gồm:

- a) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- b) Công ty ở nước ngoài do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Các Công ty nêu tại Khoản 1 Điều này được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của Pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của từng loại hình công ty đó.

luật, Điều lệ của Công ty con; phân cấp hoặc ủy quyền của Hội đồng quản trị Công ty. 3. Công ty là chủ sở hữu của các Công ty nêu tại Khoản 1 Điều này. Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các Công ty này. Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, bao gồm:

a) Tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định các hồ sơ mà Công ty con báo cáo Công ty để trình Hội đồng quản trị thông qua hoặc quyết định;

b) Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đối với Công ty con;

c) Kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện kế hoạch đầu tư, sản xuất, kinh doanh tại Công ty con.

4. Công ty thực hiện quyền Chủ sở hữu đối với Công ty con theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định dưới đây:

a) Quyết định thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản;

b) Phê duyệt Điều lệ, sửa đổi và bổ sung Điều lệ;

c) Quyết định vốn điều lệ khi thành lập và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của Công ty con;

d) Quyết định cử người đại diện vốn; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch, Tổng giám đốc (Giám đốc), Kiểm soát viên của Công ty con;

e) Phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển năm (05) năm và hàng năm của Công ty con;

f) Phê duyệt chủ trương vay, cho vay, mua, bán tài sản và thanh lý tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% vốn chủ sở hữu của Công ty con;

g) Phê duyệt báo cáo tài chính hằng năm, phân phối lợi nhuận, xử lý các khoản lỗ, trích lập và sử dụng các quỹ của Công ty;

h) Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh, hoạt động quản lý của Công ty theo Điều lệ Công ty con;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác của chủ sở hữu đối với Công ty con theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty con không trái với Điều lệ này.

5. Công ty con nêu tại Khoản 1, Điều này có quyền ký kết hợp đồng, thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tổ chức và nhân sự theo quy định của Pháp

Điều 49. Mọi quan hệ với Công ty con có cổ phần, vốn góp chi phối hoặc Công ty giữ quyền chi phối

1. Công ty là chủ sở hữu cổ phần, vốn góp chi phối tại các Công ty con có cổ phần, vốn góp chi phối. Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với phần vốn hoặc cổ phần của Công ty tại các Công ty con này thông qua người đại diện vốn tại các công ty bằng Quy chế hoạt động người đại diện vốn của Công ty.

2. Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với Công ty con nêu tại Khoản 1, Điều này theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định dưới đây:

a) Quyết định việc góp vốn, chuyển nhượng vốn của Công ty đầu tư tại Công ty con; thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty con; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty con trong phạm vi số vốn mà Công ty đã góp vào Công ty con;

b) Chỉ định người đại diện để thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn; miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật người đại diện; quyết định lương, thưởng, phụ cấp và các lợi ích khác của người đại diện; đánh giá đối với người đại diện;

c) Yêu cầu người đại diện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình đầu tư, tài chính, hiệu quả sử dụng vốn, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty con theo Quy chế hoạt động người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác.

3. Công ty giao nhiệm vụ cho Người đại diện quyết định các nội dung sau của doanh nghiệp tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông sau khi Hội đồng quản trị Công ty có ý kiến thỏa thuận:

a) Mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản doanh nghiệp;

b) Điều lệ, sửa đổi và bổ sung điều lệ của doanh nghiệp;

c) Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ; thời điểm và phương thức huy động vốn; loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; việc mua lại trên mười (10)% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

d) Việc đề cử để bầu, kiến nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; Đề cử để bổ nhiệm, kiến nghị miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp; số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp;

e) Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển năm (5) năm, hàng năm của doanh nghiệp;

f) Chủ trương góp vốn, tỷ lệ nắm giữ, tăng, giảm vốn của doanh nghiệp đầu tư vào doanh nghiệp khác;

g) Chủ trương Quyết định từng dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản hoặc quyết định các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi (50)% vốn điều lệ của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính quý hoặc năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp;

h) Chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay, thế chấp, cầm cố tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi (50)% vốn điều lệ của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính quý hoặc năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp;

i) Báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức hằng năm;

j) Chế độ tuyển dụng; chế độ thù lao, tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp;

k) Yêu cầu Người đại diện báo cáo để thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên và thanh tra theo quy định việc chấp hành Pháp luật; việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn Công ty tại doanh nghiệp; việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao, kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh;

5. Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, bao gồm: Tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định các hồ sơ mà các Công ty con báo cáo Công ty để trình Hội đồng quản trị Công ty xem xét, thông qua hoặc quyết định; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty đối với Công ty con; kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện kế hoạch phối hợp sản xuất, kinh doanh tại Công ty con.

6. Các quan hệ về kinh tế giữa Công ty với Công ty con, được thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế.

Điều 50. Quan hệ giữa Công ty với các Công ty do Công ty nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ

1. Công ty liên kết là các Công ty do Công ty nắm giữ không quá năm mươi (50)% vốn điều lệ, được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của từng loại hình Công ty đó.

2. Công ty là chủ sở hữu phần vốn của Công ty tại các doanh nghiệp nêu ở Khoản 1 Điều này. Hội đồng quản trị Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu phần vốn góp tại các doanh nghiệp này thông qua người đại diện vốn tại các công ty bằng Quy chế hoạt động người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác. Hội đồng quản trị giao cho Tổng Giám đốc Công ty tổ chức thẩm định các báo cáo, đề xuất của Người đại diện vốn tại doanh nghiệp để trình Hội đồng quản trị cho ý kiến thỏa thuận, trên cơ sở đó người đại diện vốn tại doanh nghiệp thực hiện các quyền của cổ đông hoặc quyền của thành viên Hội đồng quản trị... phù hợp với quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp và quy định của Pháp luật.

3. Quyền và nghĩa vụ của Công ty đối với Công ty liên kết được quy định tại Quy chế này và các quy định dưới đây:

a) Quyết định việc góp vốn, chuyển nhượng vốn Công ty đầu tư tại doanh nghiệp; thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn mà Công ty đã góp vào doanh nghiệp;

b) Chỉ định Người đại diện theo ủy quyền để thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn; miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Người đại diện theo ủy quyền, quyết định lương, thưởng, phụ cấp và các lợi ích khác của Người đại diện theo ủy quyền; đánh giá đối với Người đại diện theo ủy quyền;

c) Yêu cầu Người đại diện theo ủy quyền thực hiện các nội dung đã được giao quy định tại Điểm d Khoản này, trừ trường hợp Điều lệ của doanh nghiệp có quy định khác; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình đầu tư, tài chính, hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của doanh nghiệp;

d) Công ty giao nhiệm vụ cho Người đại diện quyết định và chịu trách nhiệm các nội dung sau của doanh nghiệp tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông:

- Mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh;

- Điều lệ, sửa đổi và bổ sung điều lệ của doanh nghiệp;

- Việc đề cử đề bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị; Đề cử đề bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp; số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp;

- Chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay; thế chấp, cầm cố tài sản hoặc phương án thanh lý, nhượng bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi (50)% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của doanh nghiệp hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn được quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp;

- Báo cáo tài chính hằng năm, việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức hàng năm của doanh nghiệp.

e) Yêu cầu Người đại diện theo ủy quyền báo cáo để thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn Công ty tại doanh nghiệp theo Quy chế hoạt động người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác;

f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 51. Quan hệ giữa Công ty với công ty tự nguyện liên kết

Công ty quan hệ với công ty tự nguyện liên kết thông qua hợp đồng hoặc thỏa thuận về: Định hướng và lựa chọn công nghệ; nghiên cứu và phát triển thị trường; phát triển diện tích trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su/cây trồng khác; liên kết đầu tư, kinh doanh các ngành, nghề mà luật pháp không cấm; liên kết nghiên cứu khoa học công nghệ và phát triển nguồn nhân lực.

Điều 52. Mối quan hệ giữa Công ty với các Đơn vị phụ thuộc

1. Các Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc Công ty không có vốn và tài sản riêng. Toàn bộ vốn và tài sản tại đơn vị phụ thuộc thuộc sở hữu của Công ty. Công ty có thể phân cấp, ủy quyền cho các đơn vị phụ thuộc thực hiện một số nhiệm vụ trong công tác quản lý tài chính. Việc phân cấp, ủy quyền thực hiện thông qua các quy chế về tổ chức, hoạt động được Tổng Giám đốc Công ty ban hành bằng văn bản phổ biến tới từng đơn vị phụ thuộc.

2. Công ty thực hiện chế độ hạch toán tập trung. Kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị phụ thuộc được thể hiện trong Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị phụ thuộc thực hiện theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các quy định khác có liên quan.

Điều 53. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người đại diện phần vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác

1. Được Hội đồng quản trị Công ty giới thiệu tham gia ứng cử vào các chức danh quản lý, điều hành tại doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp đó.

2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người đại diện vốn của Công ty thực hiện theo Quy chế hoạt động Người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 54. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty, trên cơ sở Phương án đề xuất của Hội đồng quản trị Công ty, theo nguyên tắc sau:

a) Lợi nhuận sau thuế hàng năm sau khi trừ đi các khoản hợp lý, Công ty tiến hành trích lập quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ của Công ty và bù đắp các khoản tổn thất phát sinh (nếu có) theo đúng chế độ. Khoản trích này không vượt quá năm phần trăm (5%) lợi nhuận sau thuế cho đến khi bằng mười phần trăm (10%) vốn điều lệ của Công ty.

b) Các quỹ khác do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định hàng năm theo hiệu quả sản xuất kinh doanh bao gồm:

- Quỹ đầu tư và phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế, nhưng không quá 30% của lợi nhuận sau thuế;

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi;

- Quỹ khen thưởng theo hiệu quả kinh doanh cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác.

c) Tùy theo nhu cầu đầu tư phát triển của Công ty trong từng thời kỳ, mức trích Quỹ Đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh và quỹ khen thưởng, phúc lợi để ổn định lao động, sẽ được Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông điều chỉnh phù hợp.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

1758
IG T
PH A
O SI
L A
U Q T

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 55. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 56. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 57. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 58. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 59. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 60. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 61. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 62. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 63. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (7) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm (65)% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 64. Thanh lý Công ty

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một (01) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 65. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 66. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 67. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 67 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk nhất trí thông qua ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Điều lệ này thay thế các Điều lệ ngày 02/10/2018, được cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần đầu thông qua vào ngày 29/9/2018 và Điều lệ sửa đổi, được cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua ngày 02/6/2020 và Đại hội đồng cổ đông cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập của Công ty.

Buôn Ma Thuột, ngày 29 tháng 4 năm 2021

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Việt Tượng

Nguyễn Việt Tượng

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK
(DAKRUCO)**



**QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Buôn Ma Thuột, tháng 4 năm 2021

CÔNG TY CP CAO SU ĐĂK LĂK CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

DAKRUCO

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐĂK LĂK

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-DHĐCĐ, ngày 29/4/2021)

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cao su Đăk Lăk;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-DHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021
Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Cao su Đăk Lăk



MỤC LỤC

CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG	7
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	7
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt	7
CHƯƠNG 2 – ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	7
I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	7
Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	7
Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 6. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 7. Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 8. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 9. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Điều 20, Điều lệ Công ty.	11
Điều 10. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 11. Các nội dung được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội đồng cổ đông	11
Điều 13. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết	12
Điều 14. Cách thức bỏ phiếu bầu cử	13
Điều 15. Cách thức kiểm phiếu	14
Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua thực hiện theo Điều 22, Điều lệ Công ty.	14
Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu	14
Điều 18. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 19. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 20. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	15
II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN	16
Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	16
Điều 22. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản	16

Điều 23. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản-----	16
III. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN-----	16
Điều 24. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến -----	16
Điều 25. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến -----	17
Điều 26. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử-----	17
Điều 27. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	17
Điều 28. Điều kiện tiến hành-----	18
Điều 29. Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến -----	18
Điều 30. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến -----	18
Điều 31. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến-----	18
Điều 32. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến-----	19
Điều 33. Thông báo kết quả kiểm phiếu-----	19
Điều 34. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông-----	20
Điều 35. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông -----	20
IV. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN-----	20
Điều 36. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông -----	20
Điều 37. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông -----	20
Điều 38. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông -----	20
Điều 39. Điều kiện tiến hành-----	20
Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông -----	20
Điều 41. Cách thức bỏ phiếu -----	20
Điều 42. Cách thức kiểm phiếu -----	20
Điều 43. Thông báo kết quả kiểm phiếu-----	20
Điều 44. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông-----	20
Điều 45. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông -----	20
CHƯƠNG 3 – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ -----	20
Mục 1. Quy định chung -----	20
Điều 46. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT -----	20
Điều 47. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT -----	21
Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT-----	22
Điều 48. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị HĐQT Thực hiện theo Điều 27, Điều lệ Công ty. -----	22

Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT	22
Điều 50. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị Thực hiện theo Điều 26, Điều lệ Công ty.	22
Điều 51. Cách thức bầu thành viên HĐQT	22
Điều 52. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 53. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 54. Chủ tịch Hội đồng quản trị Thực hiện theo Điều 30, Điều lệ Công ty.	23
Mục 3 – Thủ lao, lương thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 55. Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị Thực hiện theo quy định tại điều 29 Điều lệ Công ty.	23
Mục 4 – Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị	23
Điều 56. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm	23
Điều 57. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường	24
Điều 58. Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát	24
Điều 59. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị	24
Điều 60. Cách thức biểu quyết	24
Điều 61. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị	26
Điều 62. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị	26
Điều 63. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị	26
Điều 64. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị	26
Mục 5 - Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	27
Điều 65. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT	27
Mục 6 - Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	27
Điều 66. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty	27
Điều 67. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	27
Điều 68. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	27
Điều 69. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	27
Điều 70. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty thực hiện theo Khoản 3, Điều 33, Điều lệ Công ty.	27
CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT	27
Mục 1. Quy định chung	27
Điều 71. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát	27

Mục 2. Quy định về Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát	28
Điều 72. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu thành viên Ban kiểm soát	28
Điều 73. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát	28
Điều 74. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát	29
Điều 75. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát	29
Điều 76. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	29
Điều 77. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	29
Điều 78. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát Thực hiện theo Điều 43, Điều lệ Công ty.	29
CHƯƠNG 5 - TỔNG GIÁM ĐỐC	30
Điều 79. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc	30
Điều 80. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc	31
Điều 81. Đề cử Tổng Giám đốc	31
Điều 83. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc	31
Điều 84. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc	32
CHƯƠNG 6 – CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	32
Mục 1 – Quy định về phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc	32
Điều 85. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc	32
Điều 86. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát	32
Điều 87. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Tổng Giám đốc	32
Điều 88. Các trường hợp Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT	32
Điều 89. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao	33
Điều 90. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc	34
Điều 91. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS	34
Điều 92. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên	34
Mục 2 – Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác	36

502
TY
HAI
SL
LAI
51

Điều 93. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác	36
Điều 94. Khen thưởng	37
Điều 95. Kỷ luật	37
CHƯƠNG 7 - SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	38
Điều 96. Bổ sung và sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty	38
CHƯƠNG 8 - NGÀY HIỆU LỰC	38
Điều 97. Ngày hiệu lực	38

CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này được xây dựng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan được đề cập trong quy chế này.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Thành viên HĐQT không điều hành là thành viên HĐQT không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

2. Thành viên độc lập HĐQT (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp.

3. Công ty: là Công ty Cổ phần Cao su Đăk Lăk

4. HĐQT: là Hội đồng Quản trị

5. Ứng cử: là tự đề cử

6. BKS: là Ban kiểm soát

7. VSD: là Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

8. Đại biểu: là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền)

9. Người phụ trách quản trị công ty: là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

CHƯƠNG 2 – ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều 16 Điều lệ công ty.

Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên: HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:

HDQT, BKS, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Điều lệ công ty.

3. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông

1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

d. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

e. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

- Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

- Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

f. Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.

g. Đoàn Chủ tọa gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tọa và 02 Thành viên.

h. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

• Điều hành các hoạt động của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

• Hướng dẫn các cổ đông/đại biểu và cuộc họp thảo luận các nội dung có trong chương trình;

• Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội đồng cổ đông biểu quyết;

• Trả lời những vấn đề do Đại hội đồng cổ đông yêu cầu;

• Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình cuộc họp.

i. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

2. Thư ký cuộc họp đại hội đồng cổ đông:

a. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

b. Nhiệm vụ của Thư ký cuộc họp:

• Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung cuộc họp;

• Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông/Đại biểu;

• Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

• Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty;

• Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ Tọa.

3. Ban kiểm phiếu:

a. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

b. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

• Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.

• Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết.

• Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.

• Xem xét và báo cáo Đại hội đồng cổ đông những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

4. Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu:

a. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm trong Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu phục vụ cuộc họp. Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu của cuộc họp gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên.

b. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu:

• Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.

- Trường Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện theo quy định tại Điều 20 của Điều lệ Công ty thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

- Tham gia kiểm phiếu các nội dung khác trước khi thành lập Ban kiểm phiếu.

Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông và các thủ tục liên quan theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 141 Luật Doanh nghiệp và điểm a, khoản 2 Điều 7 Quy chế này.

Điều 6. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.

3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b. Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử.

4. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

Điều 7. Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 1,2 Điều 3 Quy chế này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Điều lệ Công ty.

Điều 8. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được qui định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự cuộc họp (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty.

b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

- Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;

- Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này; (Trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cử/biểu quyết được ủy quyền cho mỗi đại diện).

- Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

- Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với qui định của Pháp luật.

- Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội: Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại Điều 17 Điều lệ Công ty;

3. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công ty.

Điều 9. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Điều 20, Điều lệ Công ty.

Điều 10. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản và các hình thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11. Các nội dung được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các nội dung theo khoản 2, điều 16, Điều lệ Công ty;

2. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

3. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty.

Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội đồng cổ đông

1. Nguyên tắc chung

a. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai;

b. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, có mã vạch từng mã cổ đông hoặc đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại cuộc họp (kèm theo bộ tài liệu tham dự họp Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử

a. Phiếu biểu quyết

➤ **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu có ba ô vuông biểu quyết là: “tán thành”, “không tán thành”, “không ý kiến”; phiếu không bị tẩy xoá, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

➤ **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:** Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu biểu quyết hợp lệ; hoặc tất cả các nội dung không đánh dấu vào tất cả các ô vuông biểu quyết hoặc đánh dấu vào từ hai ô vuông biểu quyết trở lên.

➤ **Phiếu biểu quyết không hợp lệ từng nội dung:** Trong phiếu biểu quyết có nhiều nội dung, thì các nội dung không hợp lệ là các nội dung không được đánh dấu vào ô vuông biểu quyết nào, hoặc đánh dấu từ hai ô vuông biểu quyết trở lên. Các nội dung đánh dấu chọn vào một trong ba ô vuông biểu quyết đều hợp lệ.

b. Phiếu bầu cử

➤ **Phiếu bầu cử hợp lệ:** là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

➤ **Phiếu bầu cử không hợp lệ:**

- Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu bầu cử hợp lệ;
- Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên cần bầu;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
- Các quy định khác theo Quy chế bầu cử đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty quy định.

Điều 13. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

1. Nguyên tắc chung

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

Lưu ý: Trong trường hợp cổ đông/đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

- Nguyên tắc trúng cử:
- + Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
- + Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
- + Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

b. Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 13 Quy chế này.

Điều 15. Cách thức kiểm phiếu

Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách tổng hợp phiếu thẻ/phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua thực hiện theo Điều 22, Điều lệ Công ty.

Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 18. Cách thức phân đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 22 Điều lệ Công ty;
- b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Điều 19. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
 - i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - j. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 20. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
2. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

1788
IG T
PH
O SI
: L
100%

II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. Các nội dung sau đây có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo Khoản 1, Điều 23, Điều lệ Công ty:

2. Hội đồng quản trị tổ chức việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Nội dung, thủ tục, cách thức thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Quy chế này.

Điều 22. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản

HDQT không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong những trường hợp không thuộc quy định tại khoản 1 Điều 21 của Quy chế này hoặc khi Hội đồng quản trị xét thấy cần phải được Đại hội đồng cổ đông trực tiếp thảo luận và thông qua.

Điều 23. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Điều lệ Công ty.

3. Quy định về Phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Điều lệ Công ty.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định tại khoản 4 Điều 23 Điều lệ Công ty.

5. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu theo quy định tại khoản 4 Điều 23 Điều lệ Công ty.

6. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu theo quy định tại khoản 6 và 8 Điều 23 Điều lệ Công ty.

7. Lưu tài liệu theo quy định tại khoản 7 Điều 23 Điều lệ Công ty.

8. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.

III. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN

Điều 24. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Lưu ý: Phiếu biểu quyết/ bầu cử không cần gửi kèm thông báo mời họp.

Điều 25. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được qui định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

1. Điều kiện tham gia:

- Có tên trong danh sách cổ đông (DSCĐ) có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.
- Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Yêu cầu kỹ thuật:

Cổ đông/đại biểu cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet...).

3. Cách thức ghi nhận cổ đông/đại biểu tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi Đại biểu đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 26 Quy chế này và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 26. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử

1. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Cổ đông/đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông/đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

2. Khi cổ đông/đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức cuộc họp có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.

3. Cổ đông/đại biểu sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử Theo nội dung của Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 27. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại khoản 2 điều 8 Quy chế này.
2. Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:

Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền trực tuyến, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.

Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.
- Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.
- Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức.

Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.

Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 28. Điều kiện tiến hành

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 29. Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến

a. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- Chỉ có cổ đông/đại biểu mới được tham gia thảo luận;
- Cổ đông/đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của cổ đông/đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.

b. Giải đáp ý kiến của các cổ đông/đại biểu:

- Trên cơ sở nội dung thảo luận của cổ đông/đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại cuộc họp sẽ được Công ty trả lời sau.

Điều 30. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức bỏ phiếu điện tử.

Điều 31. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

1. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

- Cổ đông/đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc không ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại cuộc họp đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.

- Sau đó, cổ đông/đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

2. Cách thức bỏ phiếu bầu cử:

- Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu: Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (bầu dồn đều hoặc bầu ghi số). Theo đó, cổ đông/đại biểu thực hiện việc bầu cử bằng cách đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” hoặc ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng trên Phiếu bầu cử đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, cổ đông/đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

- Bầu cử theo phương thức biểu quyết (nếu có): Thực hiện theo quy định bỏ phiếu biểu quyết nêu tại Khoản 1 Điều này.

3. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:

- Trường hợp cổ đông/đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình cuộc họp thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như cổ đông/đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.

- Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình cuộc họp đã gửi, cổ đông/đại biểu có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu cổ đông/đại biểu không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như cổ đông/đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.

- Cổ đông/đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình cuộc họp. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của cuộc họp đại hội đồng cổ đông.

- Trong trường hợp, cổ đông/đại biểu thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên khác với (lớn hơn hoặc nhỏ hơn) tổng số phiếu bầu của cổ đông/đại biểu đại diện được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử.

- Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong quy chế làm việc tại cuộc họp. Cổ đông/đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Cổ đông/đại biểu.

Điều 32. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến

Khi cổ đông/đại biểu thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số thẻ tán thành, số thẻ không tán thành và số thẻ không ý kiến.

Điều 33. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Căn cứ biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại Điều 32 Quy chế này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình cuộc họp. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 34. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản họp thực hiện theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.
2. Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản Đại hội cổ đông trực tuyến là địa điểm Chủ tọa cuộc họp có mặt để điều khiển cuộc họp. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.
3. Hình thức thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 35. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

IV. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN

Điều 36. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Điều 37. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 và Điều 25 Quy chế này.

Điều 38. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 và Điều 28 Quy chế này.

Điều 39. Điều kiện tiến hành

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 30 Quy chế này.

Điều 41. Cách thức bỏ phiếu

Thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 và Điều 31 Quy chế này.

Điều 42. Cách thức kiểm phiếu

Thực hiện theo quy định tại Điều 15 và Điều 32 Quy chế này.

Điều 43. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 33 Quy chế này.

Điều 44. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 34 Quy chế này.

Điều 45. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

CHƯƠNG 3 – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục 1. Quy định chung

Điều 46. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

HDQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều 28, Điều lệ công ty, ngoài ra HDQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty;
2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty;
3. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;
4. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty theo hướng dẫn tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
5. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
6. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 270 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
7. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty;
9. Báo cáo hoạt động của HDQT tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 18 Quy chế này.
10. Báo cáo về tình hình quản trị công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
11. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 47. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HDQT

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, quy chế quản trị nội bộ công ty, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty; trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.

Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT

Điều 48. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị HĐQT

Thực hiện theo Điều 27, Điều lệ Công ty.

Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty;

3. Thành viên Hội đồng quản trị của một Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

Điều 50. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện theo Điều 26, Điều lệ Công ty.

Điều 51. Cách thức bầu thành viên HĐQT

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 22 Điều lệ công ty.

Điều 52. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

- b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp;

- c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 53. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của pháp luật về công bố thông tin.

Điều 54. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thực hiện theo Điều 30, Điều lệ Công ty.

Mục 3 – Thù lao, lương thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 55. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định tại điều 29 Điều lệ Công ty.

Mục 4 – Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

Điều 56. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau

thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

Điều 57. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
2. Đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 58. Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 59. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 60. Cách thức biểu quyết

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

3. Biểu quyết:

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm đ khoản 11 Điều 31 Điều lệ Công ty, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 44 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

4. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

5. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 28 Điều lệ Công ty.

6. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

175
PH
O
L
100

Điều 61. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 62. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điều 63 Quy chế này.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

5. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 63. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h, khoản 1, Điều 62 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực.

Điều 64. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Sau khi ban hành Nghị quyết/Quyết định HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của hiện hành.

Mục 5 - Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 65. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT

1. Hội đồng quản trị thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 32, Điều lệ Công ty;
2. Việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban kiểm toán nội bộ thuộc Hội đồng quản trị (nếu có) được quy định chi tiết tại Phụ lục I đính kèm Quy chế này.
3. Việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có) được quy định chi tiết tại Phụ lục II, III, đính kèm Quy chế này.

Mục 6 - Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Điều 66. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty

Điều 67. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

Điều 68. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. HĐQT có thể bãi nhiệm/miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
2. Người phụ trách quản trị công ty có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 69. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 70. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty thực hiện theo Khoản 3, Điều 33, Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT

Mục 1. Quy định chung

Điều 71. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát trong đó có quyền tiếp cận



các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

3. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều 41, Điều lệ Công ty.

Mục 2. Quy định về Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

Điều 72. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo Khoản 1, 2 Điều 39, Điều lệ Công ty;

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.

3. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát ngoài tiêu chuẩn chung như các thành viên Ban Kiểm soát, còn phải có trình độ quy định tại Khoản 3, Điều 73, Quy chế này.

4. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 73. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- d. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
- e. Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- f. Không phải là người là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
- g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên công ty đại chúng, doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty..

3. Trưởng Ban kiểm soát - phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 74. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 38, Điều lệ Công ty.

Điều 75. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát hoặc Điều lệ công ty.

2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Ban Kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Ban Kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 22 Điều lệ công ty.

Điều 76. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 77. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 78. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

Thực hiện theo Điều 43, Điều lệ Công ty.



CHƯƠNG 5 - TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 79. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; điều hành kế hoạch kinh doanh theo mục tiêu, kế hoạch phù hợp với Điều lệ và các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc của Hội đồng quản trị; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Khoản 4, Điều 36 Điều lệ Công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; hoặc được Hội đồng quản trị phân công, ủy quyền theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các quy định khác có liên quan;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

d. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại; tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch phối hợp kinh doanh hằng ngày của Công ty; công tác kiểm toán, thanh tra, bảo vệ; quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị, công nghệ và các công tác khác nhằm thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;

e. Tổ chức xây dựng chiến lược phát triển Công ty; quy hoạch phát triển các dự án thuộc các ngành, nghề do Công ty kinh doanh; kế hoạch dài hạn, kế hoạch hằng năm, kế hoạch phối hợp kinh doanh trong Công ty;

f. Dự thảo Điều lệ, dự thảo sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty để Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua; xây dựng các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

g. Chuẩn bị cho Hội đồng quản trị: các dự án đầu tư, các đề án cơ cấu tổ chức, quản lý, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực; xây dựng hệ thống chỉ tiêu công nghệ, tiêu chuẩn sản phẩm, định mức kinh tế, kỹ thuật, đơn giá tiền lương; chuẩn bị các hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự, các phương án để phòng rủi ro, các phương án huy động và sử dụng vốn; chuẩn bị các báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê, báo cáo tài chính riêng của Công ty, báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các đề án, dự án khác;

h. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Riêng các chức danh quản lý là Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng đơn vị trực thuộc; Trưởng, phó phòng/ban và tương đương của Công ty phải được HĐQT thỏa thuận. Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định cử Người đại diện phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác, giới thiệu người tham gia vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát tại doanh nghiệp khác;

i. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

- j. Tuyển dụng lao động;
- k. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- l. Thực hiện việc theo dõi, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của các doanh nghiệp có vốn góp của Công ty;
- m. Báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty; thực hiện việc công bố thông tin, công khai các báo cáo tài chính theo quy định của Pháp luật; Chậm nhất Quý I của năm kế hoạch, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
- n. Được áp dụng các biện pháp cần thiết trong trường hợp khẩn cấp và phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị;
- o. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 80. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

- 1. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 2. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
 - c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

Điều 81. Đề cử Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc, các thành viên HĐQT có quyền đề cử ứng viên Tổng Giám đốc theo đúng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 2, Điều 80 Quy chế này và trình lên HĐQT xem xét khi Công ty có nhu cầu tìm kiếm Tổng Giám đốc.

Điều 82. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

- 1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.
- 2. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.
- 3. Hội đồng quản trị có thẩm quyền ký kết/ chấm dứt hợp đồng và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại Điểm i Khoản 2 Điều 28 và Khoản 1 Điều 36 Điều lệ công ty.

Điều 83. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 84. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
2. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG 6 – CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Mục 1 – Quy định về phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Điều 85. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Mục 4 Chương 3 Quy chế này.

Điều 86. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát

Nghị quyết/ Quyết định, biên bản họp HĐQT sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT, theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Luật Doanh nghiệp.

Điều 87. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Tổng Giám đốc

Nghị quyết/ Quyết định HĐQT (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 88. Các trường hợp Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp HĐQT
 - a. Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:
 - Khi có yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp.
 - Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty;
 - Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT theo quy định tại Khoản 5 Điều 41 Điều lệ công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - Khi yêu cầu của Ban kiểm soát không được đáp ứng theo quy định tại khoản 8 và 9 Điều 41 Điều lệ Công ty.

b. Tổng Giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy các quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 36 Điều lệ công ty không được thực thi;

- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:

a. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

b. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

c. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

d. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

e. Xin ý kiến HĐQT đối với Bảng Báo cáo tài chính kiểm toán (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua;

f. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

g. Xin ý kiến HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;

h. Xin ý kiến về công tác cán bộ thuộc thẩm quyền của HĐQT;

i. Các nội dung khác khi xét thấy vì lợi ích của Công ty, nhưng thuộc thẩm quyền cho ý kiến của HĐQT.

Điều 89. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Báo cáo về tình hình thực hiện NQ của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;

4. Báo cáo hằng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động;

5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác;

6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.

Điều 90. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc

Căn cứ vào báo cáo của Tổng Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 79 Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT với Tổng Giám đốc.

Điều 91. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS

1. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT

a. Các nội dung theo Điều 89 quy chế này;

b. Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của khoản 3 Điều 44 Điều lệ Công ty

c. Các nội dung khác cần xin ý kiến, báo cáo cho HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

2. Riêng trường hợp chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho BKS:

a. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT;

b. Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát;

c. Cách thức thông báo cho BKS thực hiện như đối với Hội đồng quản trị.

Điều 92. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

1. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT:

BKS có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:

a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

b. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ;

c. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

d. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;

f. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày so với ngày dự định nhận được phản hồi;

g. Các nội dung kiến nghị đến HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

HĐQT tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng Giám đốc :

BKS có chức năng kiểm tra và giám sát.

a. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc (cùng lúc yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận) tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;

b. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng Giám đốc và HĐQT trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;



c. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

d. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của BKS phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với thời gian dự định nhận được phản hồi. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

e. Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh công ty của BKS phải được gửi đến Tổng Giám đốc trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình

3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và HĐQT: Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

a. Khi có kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

b. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;

c. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;

d. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;

e. Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại điểm e, f, g, h Khoản 2 Điều 79 Quy chế này Tổng Giám đốc phải gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi của HĐQT.

Mục 2 – Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

Điều 93. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác

1. HĐQT có trách nhiệm ban hành Quy chế đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người đại diện vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác.

2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp và người đại diện vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác, phù hợp với lợi ích lâu

dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được HĐQT cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v....

3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập so với các kết quả đạt được, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT.

4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của BKS, do Ban Kiểm soát quy định trong Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

Điều 94. Khen thưởng

1. HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng (nếu có) có trách nhiệm xây dựng chính sách khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 93 của Quy chế này.

2. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty) hoặc các hình thức khác do HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch trình HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên HĐQT, kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định..

4. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng Giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 95. Kỷ luật

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hình thức kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp và người đại diện vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp và người đại diện vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 7 - SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 96. Bổ sung và sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

CHƯƠNG 8 - NGÀY HIỆU LỰC

Điều 97. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 08 Chương, 97 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cao su Đăk Lăk nhất trí thông qua ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này. Quy chế thay thế Quy chế được cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần đầu thông qua vào ngày 29/9/2018.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT
- Ban kiểm soát;
- Người quản trị;
- P. Hành chính (đăng tải Website);
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Viết Tượng

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK
(DAKRUCO)**



**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
DAKRUCO**

Buôn Ma Thuột, tháng 4 năm 2021



Số: /QĐ-HĐQT

Buôn Ma Thuột, ngày 29 tháng 04 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT, ngày 07/4/2021

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành “Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk”, đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua ngày 29/4/2021.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quy chế đã ban hành trước đây.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng các phòng Ban chức năng, đơn vị trực thuộc và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban kiểm soát;
- Người quản trị;
- P. Hành chính (đăng tải Website);
- Lưu VT.



Nguyễn Việt Tượng

017
Đ
S P
AC
K
4710

MỤC LỤC

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

(Bản hành kèm theo Quyết định số..../QĐ-HĐQT, ngày 29 tháng 4 năm 2021)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và những đối tượng liên quan có đề cập trong quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên

820
TY
I
AN
SU
AK
51-1

thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

d) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý Công ty được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định như sau:

- Thành viên HĐQT phải trình nội dung yêu cầu cung cấp lên HĐQT công ty.

- Xét thấy cần thiết, HĐQT sẽ triệu tập họp để lấy ý kiến trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của thành viên HĐQT về nội dung được yêu cầu cung cấp thông tin.

- Nếu nội dung trên được HĐQT thông qua thì người quản lý được yêu cầu cung cấp thông tin sẽ cung cấp các thông tin theo yêu cầu trong vòng 07 ngày.

Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 07-09 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

a) Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị ít nhất là 1/3 số thành viên HĐQT.

5. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của thành viên hội đồng quản trị theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và quy chế này.

6. Thành viên hội đồng quản trị độc lập được tổ chức và phối hợp hoạt động

theo nguyên tắc sau:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

b) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Mọi hoạt động của thành viên hội đồng quản trị độc lập phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, và Điều lệ Công ty.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;

d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải

thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
- c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.



Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên đề cử tối đa tám (08) ứng viên;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 22 Điều lệ công ty.

5. Nếu số ứng cử viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành,

không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 22 Điều lệ công ty.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

**CHƯƠNG III.
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ theo Khoản 2, Điều 28, Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

3. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn ngắn hơn. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của

tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được quyền biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Biểu quyết

a/ Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b/ Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c/ Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng

quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d/ Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 43 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e/ Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 28 Điều lệ Công ty.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

a) Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm trước và định hướng sản xuất kinh doanh, đầu tư năm kế hoạch của Tổng giám đốc;

b) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác. Báo cáo quy định tại điểm d, đ khoản 1 Điều này có thể viết chung thành một báo cáo, nhưng phải đầy đủ cả hai nội dung.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc



Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk
bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 4 năm 2021 và thay thế cho Quy chế đã ban hành trước đây.

Khi có sự thay đổi về pháp luật có liên quan đến nội dung của Quy chế này, hoặc xuất phát từ tình hình thực tế của Công ty, HĐQT trình ĐHĐCĐ để thông qua những nội dung thay đổi, mới được ban hành Quy chế sửa đổi, bổ sung mới.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU
ĐẮK LẮK**



Nguyễn Việt Trọng



**CÔNG TY CP CAO SU ĐẮK LẮK
(DAKRUCO)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 29 tháng 04 năm 2021.

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 07. ngày 29 tháng 12 năm 2021

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk bao gồm các nội dung sau :

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Seal
07

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của BKS chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát hoạt động chuyên trách tại văn phòng Công ty, dưới sự điều hành của Trưởng ban kiểm soát. Các thành viên làm việc theo chế độ thời gian theo luật lao động và quy định công ty.

Chương II **THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ liên tục tại công ty.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải là người cư trú ở Việt Nam

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp (Tổ chức và cá nhân thuộc đối tượng giới hạn không được phép thành lập doanh nghiệp);

b) Tốt nghiệp đại học, được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty; Có kinh nghiệm thực tiễn ít nhất 3 năm làm việc trở lên.

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông nhưng phải là người lao động của Công ty.

d) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

2. Công ty cổ phần Cao su Đắc Lắc là Công ty đại chúng và là doanh nghiệp Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp, Thành viên Ban kiểm soát không được là người có quan hệ gia đình của người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Có kinh nghiệm thực tiễn trên 5 năm làm việc.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định tại khoản 2 điều 38 - điều lệ Công ty

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Tỷ lệ năm giữ, số lượng ứng viên đề cử được quy định tại khoản 1 điều 39 điều lệ Công ty.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 3 điều 103 Luật Doanh nghiệp vi phạm quy định tại khoản 5 điều 3 của bản quy chế này.

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp bất khả kháng khác như không đủ sức khỏe, vi phạm pháp luật bị bắt giam, chết, ra nước ngoài định cư .v.v.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo điều lệ Công ty.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường ĐH đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp và theo khoản 2 điều 21 điều lệ Công ty.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

382
TY
IA
SU
AF
11.3

1020
07

26. Hàng năm BKS phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cho các thành viên theo các mức. Hoàn thành xuất sắc, hoàn thành tốt, hoàn thành và không hoàn thành theo Ba zem BKS xây dựng.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính và chi nhánh; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày cuối cùng của thời hạn HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường theo quy định trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

4. Các thành viên BKS được hưởng các chế độ phúc lợi chung theo quy định cho cán bộ công nhân viên Công ty nói chung như tham quan du lịch, lễ tết ngoài khoản ngân sách được ĐHDCĐ phê duyệt hàng năm.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI **MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Quá trình kiểm tra kiểm soát có sự phối hợp để triển khai công tác kiểm soát không ảnh hưởng đến việc quản lý và sản xuất kinh doanh. Khi phát hiện các sai sót

không trọng yếu thì tiến hành trao đổi với chuyên môn để khắc phục cũng như đề xuất các cải tiến (nếu có).

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Trao đổi báo cáo khi phát hiện những bất cập làm thất thoát tài sản hoặc ảnh hưởng đến uy tín, kết quả SXKD của Công ty để HĐQT chỉ đạo giải quyết. Tham vấn góp ý kiến vào các chủ trương SXKD đầu tư để đạt hiệu quả tốt trong quản lý điều hành.

**Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cao su Đăk Lăk bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 04 năm 2021

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thạc Hoàng

Chuẩn mực kế toán (VAS), Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực báo cáo Tài chính quốc tế (IFRS);

- Không xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán BCTC cho Dakruco; Có mức phí dịch vụ phù hợp và cạnh tranh.

2. Đề xuất danh mục các Công ty kiểm toán

Danh mục các Công ty/đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 của Công ty như sau gồm:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp. Hồ Chí Minh (AISC)
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VietValues)

3. Hội đồng quản trị Công ty xin ý kiến Đại hội cổ đông

HDQT xin ý kiến Đại hội cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty, dựa trên cơ sở đề xuất của Ban Kiểm soát Công ty để lựa chọn một (01) trong ba (03) Công ty kiểm toán tại mục 2 của Tờ trình này và thực hiện các thủ tục để ký Hợp đồng kiểm toán với Công ty kiểm toán được lựa chọn theo quy định.

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội Cổ đông xem xét thông qua nội dung trên./.

Nơi nhận

- Quý cổ đông;
- Cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Ban Kiểm soát;
- Người QTCT;
- Phòng HC (đăng tải lên Website);
- Lưu VT.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Việt Tượng

TỜ TRÌNH

V/v thông qua các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2021

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Điều lệ sửa đổi, bổ sung ngày 02/6/2020 của Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk;

- Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 07/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2021 như sau :

I. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư:

1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2021 :

1.1. Chỉ tiêu sản lượng các loại sản phẩm:

- Diện tích cao su: 8.621,23 ha, trong đó (1) diện tích cao su khai thác: 2.672,11 ha (bao gồm: mở mới: 690,81 ha và 222,29 ha cao su cạo thanh lý); Diện tích cao su trồng mới: 549,59 ha; cao su KTCB: 4.239,92 ha.

- Diện tích cây ăn trái : Tổng diện tích chuối: 147,49 ha, (Chuối trồng xen trong vườn sầu riêng và mít (100,05 ha): 22,74 ha trồng thuần chuối; Chuối trồng xen trong vườn sầu riêng năm 2021: 24,70 ha). Diện tích sầu riêng trồng xen chuối: 74,7 ha. Diện tích mít trồng xen chuối: 50,05 ha.

- Sản lượng sản phẩm các loại: 12.871,58 tấn, trong đó (1) Sản lượng mủ cao su: 5.526,10 tấn (bao gồm khai thác tại vườn cây 3.371,12 tấn; mua ngoài 1.500 tấn và thu nợ đầu tư của các chủ hộ cao su liên kết 654,98 tấn); (2) Sản lượng sợi chỉ thun cao su các loại : 1.800,0 tấn; (3) Sản lượng chuối tươi 5.491,24 tấn.

- Sản lượng sản phẩm tiêu thụ: 12.291,24 tấn, trong đó: (1) Mủ cao su: 5.000 tấn (xuất khẩu: 2.475 tấn; bán nội địa 2.525 tấn); (2) Chỉ thun các loại: 1.800 tấn (Xuất khẩu: 630 tấn; nội địa: 1.170 tấn); (3) chuối tươi: 5.491,24 tấn.

1.2. Chỉ tiêu về giá trị:

- Giá bán bình quân : Mủ cao su thành phẩm : 30.010.000 đồng/tấn sản phẩm; giá bán Chuối 6.360.000 đồng/tấn; giá bán sợi chỉ thun các loại: 61.356.000 đồng/tấn;

- Tổng doanh thu: 427.616,07 triệu đồng, trong đó: (1) bán mủ cao su: 150.052,5 triệu đồng (2) bán chỉ thun: 110.441,13 triệu đồng; chuối tươi: 34.924,81 triệu đồng; từ hợp đồng trồng xen: 41.857,43 triệu đồng; hoạt động tài chính: 24.317,48 triệu đồng; thu nhập khác 66.022,70 triệu đồng;

- Tổng chi phí: 377.237,48 triệu đồng.

2. Chỉ tiêu về đầu tư :

- Tổng vốn đầu tư 235.184,45 triệu đồng , trong đó:
 - * Đầu tư vườn cao su trồng mới 549,59 và cao su KTCB: 4.239,92 ha :161.004,11 triệu đồng
 - * Đầu tư Dự án Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: 29.369,33 triệu đồng, tương ứng 277,24ha.
 - * Đầu tư khác : 44.811 triệu đồng; chủ yếu là đầu tư ban đầu tại Dự án CNC Cư M'gar (213ha) và sửa chữa đường lô nội đồng; sửa chữa phương tiện vận tải; bảo dưỡng máy móc, thiết bị dây chuyền chế biến mù đồng.

Trường hợp có phát sinh đầu tư khác, ngoài danh mục đầu tư trong kế hoạch, giao cho HĐQT quyết định trên cơ sở điều tiết kế hoạch trong phạm vi tổng chi phí đầu tư theo kế hoạch.

3. Lợi nhuận trước thuế : 50.379,00 triệu đồng;

4. Tỷ lệ chia cổ tức : Mức cổ tức của năm 2021 sẽ được chi trả từ lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập các quỹ và tỷ lệ cụ thể sẽ trình cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 biểu quyết.

5. Giao cho HĐQT phê duyệt Phương án sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2021 theo các chỉ tiêu chủ yếu nói trên, để Ban Điều hành Công ty triển khai thực hiện.

II. Triển khai một số nhiệm vụ quan trọng khác:

1. Giao cho HĐQT phê duyệt phương án thoái vốn 30,6% vốn điều lệ tại DRI, khi UBND tỉnh cho chủ trương, để Ban Điều hành triển khai.

2. Giao cho HĐQT phê duyệt và tổ chức đầu tư dự án đầu tư Khu Nông nghiệp ứng dụng Công nghệ cao tại Nông trường Cư M'gar khi UBND tỉnh đồng ý về chủ trương.

3. Giao cho HĐQT phê duyệt Dự án vay vốn dài hạn để đầu tư dự án vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và trồng tái canh cao su; Ban điều hành tổ chức thực hiện Dự án vay vốn.

Trên đây là Tờ trình của HĐQT Công ty, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng kính trình !

Nơi nhận

- Quý cổ đông;
- Cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Ban Kiểm soát;
- Người QTCT;
- Phòng HC (đăng tải lên Website);
- Lưu VT.



Nguyễn Việt Tượng

TỜ TRÌNH

Về kế hoạch tiền lương, thù lao của Người quản lý Công ty
và chi phí hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2021

Kính gửi : Quý cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty đã được sửa đổi, bổ sung thông qua ngày 02/6/2020;
- Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 07/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk.

Trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020; kế hoạch sản xuất năm 2021 của Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh & Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ kế hoạch tiền lương, thù lao của Người quản lý Công ty và chi phí hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2021 như sau :

- 1- Quỹ tiền lương, thù lao của người quản lý : 2.256,012 triệu đồng, trong đó:
 - Quỹ tiền lương và thù lao của Người quản lý chuyên trách là: 2.077,92 triệu, bao gồm: Quỹ tiền lương của người quản lý chuyên trách là người đại diện phần vốn Nhà nước: 846,72 triệu đồng; Quỹ tiền lương của Người quản lý chuyên trách không là người đại diện vốn Nhà nước: 1.231,2 triệu đồng.
 - Quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách: 178,092 triệu đồng.
2. Kế hoạch về chi phí hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát trong năm 2021: 200 triệu đồng.

Kính trình quý cổ đông xem xét, thông qua!

Nơi nhận

- Quý cổ đông;
- Cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Ban Kiểm soát;
- Người QTCT;
- Phòng HC (đăng tải lên Website);
- Lưu VT.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Việt Tượng

CÔNG TY CP CAO SU ĐẮK LẮK

(DAKRUCO)

Số: 08/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Buôn Ma Thuột, ngày 07 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc tỷ lệ sở hữu vốn của nhà đầu tư nước ngoài tại Dakruco

Kính gửi : Quý cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Nghị quyết số 05 /NQ-HĐQT, ngày 07/4/2021 của Hội đồng quản trị Dakruco.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk kính trình cuộc họp ĐHĐCĐ xem xét thông qua tỷ lệ sở hữu vốn của nhà đầu tư nước ngoài như sau :

Tỷ lệ sở hữu vốn của nhà đầu tư nước ngoài tối đa là 2% vốn điều lệ của Công ty.

Trân trọng kính trình !

Nơi nhận

- Quý cổ đông;
- Cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Ban Kiểm soát;
- Người QTCT;
- Phòng HC (đăng tải lên Website);
- Lưu VT.

TÀI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG CHỦ TỊCH
CÔNG PHÁN
CAO SU
ĐẮK LẮK

Nguyễn Việt Tượng